

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật đất đai ngày 29/11/2013;*

*Căn cứ Luật Nhà ở ngày 25/11/2014;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/06/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND tỉnh Vĩnh Long ban hành mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;*

*Căn cứ Công văn số 4796/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 04/9/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc thành phần hồ sơ đăng ký biến động trong trường hợp xử lý tài sản bảo đảm là nợ xấu;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 3791/TTr-STNMT ngày 04/11/2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 27 (hai mươi bảy) thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long (*Phụ lục kèm theo*).

**Điều 2.** Giao Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh:

- Niêm yết, công khai thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và Cổng Dịch vụ công của tỉnh.

- Căn cứ cách thức thực hiện của từng thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này bổ sung vào Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính; Danh mục thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 (nếu có).

- Tổ chức thực hiện đúng nội dung các thủ tục hành chính được công bố kèm theo Quyết định này.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Phòng KTNV;
- Lưu: VT, 1.19.16.



**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Quang Trung**

## PHỤ LỤC 1

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3123 /QĐ-UBND ngày 18/11 /2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

### Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định đã công bố TTHC	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ
01	1.004217.000.00.00.H61	Gia hạn sử dụng đất nông nghiệp của cơ sở tôn giáo	Thời gian thực hiện không quá 07 ngày <sup>(1)</sup> làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem	Cơ sở tôn giáo nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, đường Hoàng Thái Hiếu, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long).	Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất: <sup>(2)</sup> - Đối với trường hợp cấp mới lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sau khi được gia hạn quyền sử dụng theo nhu cầu của chủ sử dụng đất: 50.000 đồng/Giấy chứng nhận - Đối với trường hợp xác nhận đăng ký biến động vào Giấy chứng nhận đã cấp: nộp 30.000 đồng/lần	- Luật Đất đai ngày 29/11/2013. - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Đất đai. - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành của Luật Đất đai. - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính. - Thông tư số 23/2014/TT-	684/QĐ-UBND ngày 29/3/2019	842/QĐ-UBND ngày 03/4/2020

<sup>(1)</sup> Theo quy định tại Điểm e, Khoản 2, Điều 61, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; được sửa đổi bổ sung theo Khoản 40, Điều 2, Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ.

<sup>(2)</sup> Theo quy định tại Khoản 5, Điều 4 Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định đã công bố TTHC	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ
			xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định.			<p>BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.</p> <p>- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai.</p> <p>- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND tỉnh Vĩnh Long ban hành mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.</p>		
02	1.002253.000.00.0	Giao đất, cho thuê	Thời hạn giải quyết không quá 20 ngày	Người xin giao đất, thuê đất	- Lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu	- Luật Đất đai ngày 29/11/2013.	684/QĐ-UBND	1142/QĐ-UBND

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định đã công bố TTHC	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ
	0.H61	đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải cấp giấy chứng nhận đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ	<sup>(3)</sup> làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó: 10 ngày tại Sở Tài nguyên và Môi trường, 05 ngày tại cơ quan thuế và tài chính; 05 ngày tại UBND tỉnh. Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã; không tính thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không	nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, đường Hoàng Thái Hiếu, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long)	nhà ở và tài sản gắn liền với đất <sup>(4)</sup> : + <i>Cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất: 100.000 đồng/Giấy;</i> + <i>Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình: 4400.000 đồng/Giấy</i> - <i>Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất <sup>(5)</sup>:</i> + Đất ở: 180.000 đồng/hồ sơ đối với diện tích dưới 500m <sup>2</sup> ; 300.000 đồng/hồ sơ đối với diện tích từ 500m <sup>2</sup> đến dưới 1.000m <sup>2</sup> ; 450.000 đồng/hồ sơ đối với diện tích từ 1.000m <sup>2</sup> trở lên. + Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, <i>thương mại dịch vụ</i> : 200.000 đồng/hồ sơ đối với diện tích dưới 500m <sup>2</sup> ; 350.000 đồng/hồ sơ đối với diện tích từ 500m <sup>2</sup> đến dưới 1.000m <sup>2</sup> ; 550.000 đồng/hồ sơ đối với diện tích từ 1.000m <sup>2</sup> trở lên.	- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Đất đai. - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai. - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính. - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất. - Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý	ngày 29/3/2019	ngày 13/5/2020

<sup>(3)</sup> Theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 61, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 40, Điều 2, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017.

<sup>(4)</sup> Theo quy định tại Khoản 5, Điều 4 Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

<sup>(5)</sup> Theo quy định tại Khoản 6, Điều 3 Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định đã công bố TTHC	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ
		chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định.		+ Các loại đất còn lại (không bao gồm đất ở; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, thương mại dịch vụ): 120.000 đồng/hồ sơ đối với diện tích dưới 1.000m <sup>2</sup> ; 250.000 đồng/hồ sơ đối với diện tích từ 1.000m <sup>2</sup> đến dưới 10.000m <sup>2</sup> ; 400.000 đồng/hồ sơ đối với diện tích từ 10.000m <sup>2</sup> trở lên. - <i>Lệ phí cấp trích lục bản đồ địa chính<sup>(6)</sup>: 30.000 đồng/lần.</i>	thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ; - Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của liên bộ: Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ và trình tự, thủ tục tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất. - <i>Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND tỉnh Vĩnh Long ban hành mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.</i>		
03	1.002040	Giao đất,	Thời hạn giải quyết	Người xin giao	- Lệ phí cấp Giấy chứng nhận	- Luật Đất đai ngày	684/QĐ-	1142/QĐ-

<sup>(6)</sup>Theo quy định tại Khoản 5, Điều 4 Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định đã công bố TTHC	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ
	.000.00.0 0.H61	cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; dự án không phải cấp giấy chứng nhận đầu tư; trường	không quá 20 ngày <sup>(7)</sup> làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó: 10 ngày tại Sở Tài nguyên và Môi trường, 05 ngày tại cơ quan thuê và tài chính; 05 ngày tại UBND tỉnh. Thời gian này không tính thời gian thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng, không tính thời gian các ngày nghỉ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử	đất, thuê đất nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, đường Hoàng Thái Hiếu, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long)	quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất <sup>(8)</sup> : + <i>Cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất: 100.000 đồng/Giấy;</i> + <i>Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình: 4400.000 đồng/Giấy</i> - <i>Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất <sup>(9)</sup> :</i> + Đất ở: 180.000 đồng/hồ sơ đối với diện tích dưới 500m <sup>2</sup> ; 300.000 đồng/hồ sơ đối với diện tích từ 500m <sup>2</sup> đến dưới 1.000m <sup>2</sup> ; 450.000 đồng/hồ sơ đối với diện tích từ 1.000m <sup>2</sup> trở lên. + Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, thương mại dịch vụ: 200.000 đồng/hồ sơ đối với diện tích dưới 500m <sup>2</sup> ; 350.000 đồng/hồ sơ đối với diện tích từ 500m <sup>2</sup> đến dưới 1.000m <sup>2</sup> ; 550.000 đồng/hồ sơ đối với diện tích từ 1.000m <sup>2</sup> trở	29/11/2013. - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Đất đai. - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai. - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính. - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất. - Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành	UBND ngày 29/3/2019	UBND ngày 13/5/2020

<sup>(7)</sup>Theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 61, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 40, Điều 2, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017.

<sup>(8)</sup>Theo quy định tại Khoản 5, Điều 4 Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

<sup>(9)</sup>Theo quy định tại Khoản 6, Điều 3 Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định đã công bố TTHC	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ
		hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước	dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định.		lên. + Các loại đất còn lại (không bao gồm đất ở; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, thương mại dịch vụ): 120.000 đồng/hồ sơ đối với diện tích dưới 1.000m <sup>2</sup> ; 250.000 đồng/hồ sơ đối với diện tích từ 1.000m <sup>2</sup> đến dưới 10.000m <sup>2</sup> ; 400.000 đồng/hồ sơ đối với diện tích từ 10.000m <sup>2</sup> trở lên. - <i>Lệ phí cấp trích lục bản đồ địa chính<sup>(10)</sup>: 30.000 đồng/lần.</i>	một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP. - Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của liên bộ: Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ và trình tự, thủ tục tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất. - <i>Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND tỉnh Vĩnh Long ban hành mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.</i>		

<sup>(10)</sup>Theo quy định tại Khoản 5, Điều 4 Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long.



TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định đã công bố TTHC	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ
		ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao						
04	1.004257.000.00.00.H61	Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức, người Việt Nam	- Thời hạn giải quyết không quá 15 ngày <sup>(11)</sup> làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ trong đó: 7 ngày tại Sở Tài nguyên và Môi trường, 03 ngày tại cơ quan thuế và tài chính; 05 ngày tại UBND tỉnh Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ theo quy	Người sử dụng đất nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, đường Hoàng Thái Hiếu, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long)	- Lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất <sup>(12)</sup> gồm : + Đối với trường hợp in mới Giấy chứng nhận do chuyển mục đích sử dụng đất: 50.000 đồng/Giấy + Đối với trường hợp chứng nhận nội dung biến động trên Giấy chứng nhận của người sử dụng đất sau khi được chuyển mục đích sử dụng đất: 30.000 đ/lần - Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất <sup>(13)</sup>	- Luật đất đai ngày 29/11/2013. - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Đất đai. - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai. - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường	30/QĐ-UBND ngày 07/01/2020	1142/QĐ-UBND ngày 13/5/2020

<sup>(11)</sup> Theo Điểm b, Khoản 1, Điều 61, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 40, Điều 2, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP, ngày 06/01/2017.

<sup>(12)</sup>Theo quy định tại Khoản 5, Điều 4 Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

<sup>(13)</sup>Theo quy định tại Khoản 6, Điều 3 Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định đã công bố TTHC	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ
		định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định.		<p>(áp dụng đối với trường hợp chuyển mục đích mà phải chuyển sang thuê đất)</p> <p>+ Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, thương mại dịch vụ: 200.000 đồng/hồ sơ đối với diện tích dưới 500m<sup>2</sup>; 350.000 đồng/hồ sơ đối với diện tích từ 500m<sup>2</sup> đến dưới 1.000m<sup>2</sup>; 550.000 đồng/hồ sơ đối với diện tích từ 1.000m<sup>2</sup> trở lên.</p> <p>+ Các loại đất còn lại (không bao gồm đất ở; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, thương mại dịch vụ): 120.000 đồng/hồ sơ đối với diện tích dưới 1000m<sup>2</sup>; 250.000 đồng/hồ sơ đối với diện tích từ 1000m<sup>2</sup> đến dưới 10.000m<sup>2</sup>; 400.000 đồng/hồ sơ đối với diện tích từ 10.000m<sup>2</sup> trở lên.</p> <p>- Lệ phí cấp trích lục bản đồ địa chính<sup>(14)</sup>: 30.000 đồng/lần.</p>	<p>quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất</p> <p>- Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của liên bộ: Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ và trình tự, thủ tục tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất</p> <p>- Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số</p>		

<sup>(14)</sup>Theo quy định tại Khoản 5, Điều 4 Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định đã công bố TTHC	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ
						<p>điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý và sử dụng đất trồng lúa.</p> <p>- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND tỉnh Vĩnh Long ban hành mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.</p>		
05	1.004269.000.00.00.H61	Thủ tục cung cấp dữ liệu đất đai	Thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ đúng quy định	Tổ chức, cá nhân có nhu cầu nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, đường Hoàng Thái	Đính kèm bảng 1 <sup>(15)</sup>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đất đai ngày 29/11/2013;</li> <li>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Đất đai;</li> <li>- Thông tư số 34/2014/TT-BTNMT ngày 30/06/2014 của Bộ Tài nguyên - Môi trường về việc xây dựng, quản lý, khai thác thông tin đất đai.</li> <li>- Nghị định số 73/2017/NĐ-</li> </ul>	2570/QĐ-UBND ngày 11/10/2019	842/QĐ-UBND ngày 03/4/2020

<sup>(15)</sup>Theo quy định tại Khoản 9, Điều 3 Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định đã công bố TTHC	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ
				Hiếu, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long).		CP ngày 14/6/2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường. - Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND tỉnh Vĩnh Long ban hành mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng đối với các khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.		
06	2.000983.000.00.00.H61	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã	- Thời gian thực hiện không quá 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, trong đó: Văn phòng đăng ký đất đai hoặc chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai: 10 ngày, UBND cấp xã, cơ quan quản lý nhà nước đối với	Người đề nghị cấp giấy chứng nhận nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, đường Hoàng Thái Hiếu, phường	-Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất gồm <sup>17</sup> : -Tổ chức, cơ sở tôn giáo, cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân người nước ngoài, Người Việt Nam định cư tại nước ngoài: + Chỉ có quyền sử dụng đất: 100.000 đồng/Giấy chứng nhận + Có chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 400.000 đồng/Giấy chứng	- Luật đất đai ngày 29/11/2013. - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Đất đai. - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai. - Thông tư số 24/2014/TT-	684/QĐ-UBND ngày 29/3/2019	842/QĐ-UBND ngày 03/4/2020

<sup>17</sup> Theo quy định tại Khoản 5, Điều 4 Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định đã công bố TTHC	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ
		đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	tài sản gắn liền với đất: 5 ngày, Cơ quan thuế: 5 ngày, UBND cấp huyện (Sở Tài nguyên và Môi trường theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh): 5 ngày. Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu	1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long). Trường hợp Người đề nghị cấp giấy chứng nhận là hộ gia đình, cá nhân được chọn lựa nộp hồ sơ tại Bộ phận Một cửa cấp huyện hoặc nộp hồ sơ tại Bộ phận Một cửa cấp xã nếu có nhu cầu <sup>(16)</sup>	<p><i>nhận</i></p> <p>- Hộ gia đình, cá nhân có đất tọa lạc các phường thuộc thành phố Vĩnh Long, thị xã Bình Minh:</p> <p>+ Chỉ có quyền sử dụng đất: 25.000 đồng/Giấy chứng nhận</p> <p>+ Có chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 50.000 đồng/Giấy chứng nhận</p> <p>- Hộ gia đình, cá nhân có đất tọa lạc các xã, thị trấn thuộc các huyện, thị xã Bình Minh (áp dụng cho trường hợp hộ, cá nhân có hộ khẩu thường trú tại các phường thuộc thành phố, thị xã nhưng có đất tọa lạc các xã, thị trấn):</p> <p>+ Chỉ có quyền sử dụng đất: 12.000 đồng/Giấy chứng nhận</p> <p>+ Có chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 25.000 đồng/Giấy chứng nhận</p> <p>- Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất<sup>18</sup>:</p> <p>+ Đất ở</p>	<p>BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính.</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.</p> <p>- Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ.</p> <p>- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số Điều của Nghị định 43/2014/NĐ-CP</p>		

<sup>(16)</sup> Quy định tại Khoản 2,3 Điều 60, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP

<sup>18</sup> Theo quy định tại Khoản 6, Điều 3 Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ sở pháp lý	Quyết định đã công bố TTHC	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ
			<p>giám định. - Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả giải quyết.</p>		<p>* <i>Diện tích dưới 500m<sup>2</sup>: 150.000đồng/hồ sơ</i>  * <i>Diện tích từ 500m<sup>2</sup> đến dưới 1.000m<sup>2</sup>: 200.000 đồng/hồ sơ</i>  * <i>Diện tích từ 1.000m<sup>2</sup> trở lên: 250.000 đồng/hồ sơ</i>  + <i>Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, thương mại dịch vụ</i>  * <i>Diện tích dưới 500m<sup>2</sup>: 200.000 đồng /hồ sơ</i>  * <i>Diện tích từ 500m<sup>2</sup> đến dưới 1.000 m<sup>2</sup>: 350.000 đồng/hồ sơ</i>  * <i>Diện tích từ 1.000m<sup>2</sup> trở lên: 550.000 đồng/hồ sơ</i>  + <i>Các loại đất còn lại (không bao gồm đất ở; đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, thương mại dịch vụ)</i>  * <i>Diện tích dưới 1.000m<sup>2</sup>: 120.000 đồng /hồ sơ</i>  * <i>Diện tích từ 1.000m<sup>2</sup> đến dưới 10.000 m<sup>2</sup>: 250.000 đồng/hồ sơ</i>  * <i>Diện tích từ 10.000 m<sup>2</sup> trở lên: 400.000 đồng/hồ sơ</i></p>	<p>và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.  - Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của liên bộ: Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ và trình tự, thủ tục tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất.  - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai.  - <i>Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của</i></p>		

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định đã công bố TTHC	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ
						<i>HĐND tỉnh Vĩnh Long ban hành mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng đối với các khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.</i>		
07	1.003003 .000.00.0 0.H61	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	Thời gian giải quyết không quá 28 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó: Văn phòng đăng ký đất đai hoặc chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai: 13 ngày, UBND cấp xã, cơ quan quản lý nhà nước đối với tài sản gắn liền với đất: 5 ngày, Cơ quan thuế: 5 ngày, UBND cấp huyện (Sở Tài nguyên và Môi trường theo ủy quyền của Ủy ban nhân	Người sử dụng đất nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, đường Hoàng Thái Hiếu, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long). Trường hợp người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân được	- <i>Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất</i> <sup>20</sup> : - <i>Tổ chức, cơ sở tôn giáo, cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân người nước ngoài, Người Việt Nam định cư tại nước ngoài:</i> + <i>Chỉ có quyền sử dụng đất: 100.000 đồng/Giấy chứng nhận</i> + <i>Có chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 400.000 đồng/Giấy chứng nhận</i> - <i>Hộ gia đình, cá nhân có đất tọa lạc các phường thuộc thành phố Vĩnh Long, thị xã Bình Minh:</i> + <i>Chỉ có quyền sử dụng đất: 25.000 đồng/Giấy chứng nhận</i> + <i>Có chứng nhận quyền sở hữu</i>	- Luật đất đai ngày 29/11/2013. - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Đất Đai. - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai. - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính. - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận	684/QĐ-UBND ngày 29/3/2019	842/QĐ-UBND ngày 03/4/2020

<sup>20</sup> Theo quy định tại Khoản 5, Điều 4 Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định đã công bố TTHC	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ
			<p>dân tỉnh): 5 ngày. Thời gian này không tính thời gian các ngày theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trong thời hạn không quá 03</p>	<p>chọn lựa nộp hồ sơ tại Bộ phận Một cửa cấp huyện hoặc nộp hồ sơ tại Bộ phận Một cửa cấp xã nếu có nhu cầu<sup>(19)</sup></p>	<p><i>nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 50.000 đồng/Giấy chứng nhận - Hộ gia đình, cá nhân có đất tọa lạc các xã, thị trấn thuộc các huyện, thị xã Bình Minh (áp dụng cho trường hợp hộ, cá nhân có hộ khẩu thường trú tại các phường thuộc thành phố, thị xã nhưng có đất tọa lạc các xã, thị trấn):</i>  + Chỉ có quyền sử dụng đất: 12.000 đồng/Giấy chứng nhận  + Có chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 25.000 đồng/Giấy chứng nhận  - Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất<sup>21</sup>:  + Đất ở  * Diện tích dưới 500m<sup>2</sup>: 150.000đồng/hồ sơ  * Diện tích từ 500m<sup>2</sup> đến dưới 1.000m<sup>2</sup>: 200.000 đồng/hồ sơ  * Diện tích từ 1.000m<sup>2</sup> trở lên: 250.000 đồng/hồ sơ  + Đất sản xuất, kinh doanh phi</p>	<p>quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.  - Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ;  - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số Điều của Nghị định 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.  - Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của liên bộ: Bộ Tài chính và Bộ Tài</p>		

<sup>(19)</sup> Quy định tại Khoản 2,3 Điều 60, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP

<sup>21</sup> Theo quy định tại Khoản 6, Điều 3 Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long



TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định đã công bố TTHC	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ
			ngày làm việc kể từ ngày có kết quả giải quyết		<p><i>nông nghiệp, thương mại dịch vụ</i></p> <p>* <i>Diện tích dưới 500m<sup>2</sup>: 200.000 đồng /hồ sơ</i></p> <p>* <i>Diện tích từ 500m<sup>2</sup> đến dưới 1.000 m<sup>2</sup>: 350.000 đồng/hồ sơ</i></p> <p>* <i>Diện tích từ 1.000m<sup>2</sup> trở lên: 550.000 đồng/hồ sơ</i></p> <p>+ <i>Các loại đất còn lại (không bao gồm đất ở; đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, thương mại dịch vụ)</i></p> <p>* <i>Diện tích dưới 1.000m<sup>2</sup>: 120.000 đồng /hồ sơ</i></p> <p>* <i>Diện tích từ 1.000m<sup>2</sup> đến dưới 10.000 m<sup>2</sup>: 250.000 đồng/hồ sơ</i></p> <p>* <i>Diện tích từ 10.000 m<sup>2</sup> trở lên: 400.000 đồng/hồ sơ</i></p>	<p>nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ và trình tự, thủ tục tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất</p> <p>- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai.</p> <p>- <i>Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND tỉnh Vĩnh Long ban hành mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng đối với các khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.</i></p>		
08	1.002255.000.00.00.	Đăng ký, cấp Giấy	Thời gian thực hiện không quá 28 ngày	Người đề nghị cấp giấy chứng	* <i>Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu</i>	- Luật đất đai ngày 29/11/2013.	684/QĐ-UBND	842/QĐ-UBND

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định đã công bố TTHC	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ
	H61	chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trong thời	nhận nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc đến trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, đường Hoàng Thái Hiếu, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long). Trường hợp người đề nghị cấp giấy chứng nhận là hộ gia đình, cá nhân được chọn lựa nộp hồ sơ tại Bộ phận Một cửa cấp huyện	<i>nhà, tài sản gắn liền với đất gồm<sup>23</sup>:</i> - <i>Tổ chức, cơ sở tôn giáo, cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân người nước ngoài, Người Việt Nam định cư tại nước ngoài:</i> + <i>Chỉ có quyền sử dụng đất: 100.000 đồng/Giấy chứng nhận nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 400.000 đồng/Giấy chứng nhận</i> - <i>Hộ gia đình, cá nhân có đất tọa lạc các phường thuộc thành phố Vĩnh Long, thị xã Bình Minh:</i> + <i>Chỉ có quyền sử dụng đất: 25.000 đồng/Giấy chứng nhận nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 50.000 đồng/Giấy chứng nhận</i> - <i>Hộ gia đình, cá nhân có đất tọa lạc các xã, thị trấn thuộc các huyện, thị xã Bình Minh (áp dụng cho trường hợp hộ, cá nhân có hộ khẩu thường trú tại các phường thuộc thành phố, thị xã nhưng có</i>	- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Đất đai. - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai. - Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ. - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính. - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường	ngày 29/3/2019	ngày 03/4/2020

<sup>23</sup> Theo quy định tại Khoản 5, Điều 4 Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định đã công bố TTHC	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ
			hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả giải quyết	hoặc nộp hồ sơ tại Bộ phận Một cửa cấp xã nếu có nhu cầu <sup>(22)</sup>	<i>đất tọa lạc các xã, thị trấn):</i> + <i>Chỉ có quyền sử dụng đất: 12.000 đồng/Giấy chứng nhận</i> + <i>Có chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 25.000 đồng/Giấy chứng nhận.</i> - <i>Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất<sup>24</sup></i> + <i>Đất ở</i> * <i>Diện tích dưới 500m<sup>2</sup>: 150.000đồng/ hồ sơ</i> * <i>Diện tích từ 500m<sup>2</sup> đến dưới 1.000m<sup>2</sup>: 200.000 đồng/hồ sơ</i> * <i>Diện tích từ 1.000m<sup>2</sup> trở lên: 250.000 đồng/hồ sơ</i> + <i>Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, thương mại dịch vụ</i> * <i>Diện tích dưới 500m<sup>2</sup>: 200.000 đồng /hồ sơ</i> * <i>Diện tích từ 500m<sup>2</sup> đến dưới 1.000 m<sup>2</sup>: 350.000 đồng/hồ sơ</i> * <i>Diện tích từ 1.000m<sup>2</sup> trở lên: 550.000 đồng/hồ sơ</i>	quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và Nghị định 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. - Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của liên bộ: Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ và trình tự, thủ tục tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của		

<sup>(22)</sup> Quy định tại Khoản 2,3 Điều 60, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP

<sup>24</sup> Theo quy định tại Khoản 6, Điều 3 Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định đã công bố TTHC	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ
					<p>+ Các loại đất còn lại (không bao gồm đất ở; đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, thương mại dịch vụ)</p> <p>* Diện tích dưới 1.000m<sup>2</sup>: 120.000 đồng/hồ sơ</p> <p>* Diện tích từ 1.000m<sup>2</sup> đến dưới 10.000 m<sup>2</sup>: 250.000 đồng/hồ sơ</p> <p>* Diện tích từ 10.000 m<sup>2</sup> trở lên: 400.000 đồng/hồ sơ</p>	<p>Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai</p> <p>- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND tỉnh Vĩnh Long ban hành mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng đối với các khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.</p>		
09	2.000976 .000.00.0 0.H61	Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng	Thời gian thực hiện không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ	Người đề nghị cấp giấy chứng nhận nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	<p>* Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất gồm<sup>27</sup>:</p> <p>- Tổ chức, cơ sở tôn giáo, cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân người nước ngoài, Người Việt Nam định cư tại nước ngoài: 50.000</p>	<p>- Luật đất đai ngày 29/11/2013.</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Đất đai.</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-</p>	684/QĐ-UBND ngày 29/3/2019	842/QĐ-UBND ngày 03/4/2020

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định đã công bố TTHC	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ
		nhận đã cấp <sup>25</sup>	theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả giải	tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, đường Hoàng Thái Hiếu, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long). Trường hợp người đề nghị cấp giấy chứng nhận là hộ gia đình, cá nhân được chọn lựa nộp hồ sơ tại Bộ phận Một cửa cấp huyện hoặc nộp hồ sơ tại Bộ phận Một cửa cấp xã nếu có nhu cầu <sup>(26)</sup>	<i>đồng/Giấy chứng nhận.</i> - <i>Hộ gia đình, cá nhân có đất tọa lạc tại các phường thuộc thành phố Vĩnh Long, thị xã Bình Minh:</i> + <i>Chỉ có quyền sử dụng đất: 20.000 đồng /Giấy chứng nhận.</i> + <i>Có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 40.000 đồng /Giấy chứng nhận</i> - <i>Hộ gia đình, cá nhân có đất tọa lạc tại các xã, thị trấn thuộc các huyện, thị xã Bình Minh:</i> + <i>Chỉ có quyền sử dụng đất: 10.000 đồng /Giấy chứng nhận</i> + <i>Có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 20.000 đồng /Giấy chứng nhận.</i> - <i>Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất<sup>28</sup></i> + <i>Đất ở</i> * <i>Diện tích dưới 500m<sup>2</sup>: 150.000đồng/ hồ sơ</i> * <i>Diện tích từ 500m<sup>2</sup> đến dưới</i>	CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai. - Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ. - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính. - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn		

<sup>27</sup> Theo quy định tại Khoản 5, Điều 4 Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long

<sup>25</sup> Thủ tục đăng ký bổ sung đối với tài sản gắn liền với đất của người sử dụng đất đã được cấp Giấy chứng nhận

<sup>(26)</sup> Quy định tại Khoản 2,3 Điều 60, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định đã công bố TTHC	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ
			quyết.		<p>1.000m<sup>2</sup>: 200.000 đồng/hồ sơ</p> <p>* Diện tích từ 1.000m<sup>2</sup> trở lên: 250.000 đồng/hồ sơ</p> <p>+ Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, thương mại dịch vụ</p> <p>* Diện tích dưới 500m<sup>2</sup>: 200.000 đồng/hồ sơ</p> <p>* Diện tích từ 500m<sup>2</sup> đến dưới 1.000 m<sup>2</sup>: 350.000 đồng/hồ sơ</p> <p>* Diện tích từ 1.000m<sup>2</sup> trở lên: 550.000 đồng/hồ sơ</p> <p>+ Các loại đất còn lại (không bao gồm đất ở; đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, thương mại dịch vụ)</p> <p>* Diện tích dưới 1.000m<sup>2</sup>: 120.000 đồng/hồ sơ</p> <p>* Diện tích từ 1.000m<sup>2</sup> đến dưới 10.000 m<sup>2</sup>: 250.000 đồng/hồ sơ</p> <p>* Diện tích từ 10.000 m<sup>2</sup> trở lên: 400.000 đồng/hồ sơ</p>	<p>liên với đất.</p> <p>- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và Nghị định 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.</p> <p>- Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của liên bộ: Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ và trình tự, thủ tục tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất</p> <p>- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa</p>		

<sup>28</sup> Theo quy định tại Khoản 6, Điều 3 Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định đã công bố TTHC	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ
						đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai. - Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND tỉnh Vĩnh Long ban hành mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng đối với các khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.		
10	1.002273.000.00.00.H61	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho	-Thời gian thực hiện tại Sở Tài nguyên và Môi trường không quá 28 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Thời gian thực hiện của Văn phòng đăng ký đất đai không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày	Sau khi hoàn thành công trình, Chủ đầu tư dự án phát triển nhà ở nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, đường	* <i>Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất</i> <sup>29</sup> : - <i>Tổ chức, cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân người nước ngoài, Người Việt Nam định cư tại nước ngoài: 50.000 đồng /Giấy chứng nhận.</i> - <i>Hộ gia đình, cá nhân có đất tọa lạc tại các phường thuộc thành phố Vĩnh Long, thị xã Bình Minh:</i> + <i>Chỉ có quyền sử dụng đất:</i>	- Luật đất đai ngày 29/11/2013. - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Đất đai. - Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản. - Nghị định số 01/2017/NĐ-	684/QĐ-UBND ngày 29/3/2019	842/QĐ-UBND ngày 03/4/2020

<sup>29</sup> Theo quy định tại Khoản 5, Điều 4 Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định đã công bố TTHC	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ
		người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở	nhận được hồ sơ hợp lệ. Thời gian này không bao gồm thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định.	Hoàng Thái Hiếu, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long).	<p>20.000 đồng /Giấy chứng nhận.  + Có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 40.000 đồng /Giấy chứng nhận  - Hộ gia đình, cá nhân có đất tọa lạc tại các xã, thị trấn thuộc các huyện, thị xã Bình Minh:  + Chỉ có quyền sử dụng đất: 10.000 đồng /Giấy chứng nhận  + Có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 20.000 đồng /Giấy chứng nhận  - Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất<sup>30</sup>  + Đất ở  * Diện tích dưới 500m<sup>2</sup>: 150.000đồng/ hồ sơ  * Diện tích từ 500m<sup>2</sup> đến dưới 1.000m<sup>2</sup>: 200.000 đồng/hồ sơ  * Diện tích từ 1.000m<sup>2</sup> trở lên: 250.000 đồng/hồ sơ  + Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, thương mại dịch vụ  * Diện tích dưới 500m<sup>2</sup>: 200.000 đồng /hồ sơ</p>	<p>CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.  - Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ;  - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính.  - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất  - Thông tư liên tịch số</p>		

<sup>30</sup> Theo quy định tại Khoản 6, Điều 3 Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long



TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định đã công bố TTHC	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ
					<p>* Diện tích từ 500m<sup>2</sup> đến dưới 1.000 m<sup>2</sup>: 350.000 đồng/hồ sơ</p> <p>* Diện tích từ 1.000m<sup>2</sup> trở lên: 550.000 đồng/hồ sơ</p> <p>+ Các loại đất còn lại (không bao gồm đất ở; đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, thương mại dịch vụ)</p> <p>* Diện tích dưới 1.000m<sup>2</sup>: 120.000 đồng / hồ sơ</p> <p>* Diện tích từ 1.000m<sup>2</sup> đến dưới 10.000 m<sup>2</sup>: 250.000 đồng/hồ sơ</p> <p>* Diện tích từ 10.000 m<sup>2</sup> trở lên: 400.000 đồng/hồ sơ</p>	88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của liên bộ: Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ và trình tự, thủ tục tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất.		
11	1.002993.000.00.00.H61	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở	Thời gian thực hiện không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ theo quy định của	Người sử dụng đất nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số	<p>* Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất gồm<sup>32</sup>:</p> <p>- Tổ chức, cơ sở tôn giáo, cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân người nước ngoài, Người Việt Nam định cư tại nước ngoài: 50.000 đồng/ Giấy chứng nhận.</p>	<p>- Luật đất đai ngày 29/11/2013.</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Đất đai.</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của</p>	684/QĐ-UBND ngày 29/3/2019	842/QĐ-UBND ngày 03/4/2020

<sup>32</sup> Theo quy định tại Khoản 5, Điều 4 Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định đã công bố TTHC	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ
		và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ	pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, không tính thời gian đăng tin hoặc niêm yết công khai tại xã, không tính thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ	12C, đường Hoàng Thái Hiếu, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long). Trường hợp người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân được chọn lựa nộp hồ sơ tại Bộ phận Một cửa cấp huyện hoặc nộp hồ sơ tại Bộ phận Một cửa cấp xã nếu có nhu cầu <sup>(31)</sup>	<p>- Hộ gia đình, cá nhân có đất tọa lạc tại các phường thuộc thành phố Vĩnh Long, thị xã Bình Minh: + Chỉ có quyền sử dụng đất: 20.000 đồng/Giấy chứng nhận. + Có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 40.000 đồng/Giấy chứng nhận</p> <p>- Hộ gia đình, cá nhân có đất tọa lạc tại các xã, thị trấn thuộc các huyện, thị xã Bình Minh: + Chỉ có quyền sử dụng đất: 10.000 đồng/Giấy chứng nhận + Có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 20.000 đồng/Giấy chứng nhận</p> <p>* Chi phí đăng tin do người đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trả.</p> <p>- Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất<sup>33</sup> + Đất ở</p>	<p>Chính phủ sửa đổi bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.</p> <p>- Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ.</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính.</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.</p> <p>- Thông tư liên tịch số</p>		

<sup>(31)</sup> Quy định tại Khoản 2,3 Điều 60, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP

<sup>33</sup> Theo quy định tại Khoản 6, Điều 3 Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định đã công bố TTHC	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ
		tục chuyển quyền theo quy định	ngày có kết quả giải quyết.		<p>* Diện tích dưới 500m<sup>2</sup>: 150.000đồng/ hồ sơ</p> <p>* Diện tích từ 500m<sup>2</sup> đến dưới 1.000m<sup>2</sup>: 200.000 đồng/hồ sơ</p> <p>* Diện tích từ 1.000m<sup>2</sup> trở lên: 250.000 đồng/hồ sơ</p> <p>+ Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, thương mại dịch vụ</p> <p>* Diện tích dưới 500m<sup>2</sup>: 200.000 đồng /hồ sơ</p> <p>* Diện tích từ 500m<sup>2</sup> đến dưới 1.000 m<sup>2</sup>: 350.000 đồng/hồ sơ</p> <p>* Diện tích từ 1.000m<sup>2</sup> trở lên: 550.000 đồng/hồ sơ</p> <p>+ Các loại đất còn lại (không bao gồm đất ở; đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, thương mại dịch vụ)</p> <p>* Diện tích dưới 1.000m<sup>2</sup>: 120.000 đồng /hồ sơ</p> <p>* Diện tích từ 1.000m<sup>2</sup> đến dưới 10.000 m<sup>2</sup>: 250.000 đồng/hồ sơ</p> <p>* Diện tích từ 10.000 m<sup>2</sup> trở lên: 400.000 đồng/hồ sơ</p>	<p>88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của liên bộ: Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ và trình tự, thủ tục tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất</p> <p>- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai.</p> <p>- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND tỉnh Vĩnh Long ban hành mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng đối với các khoản phí, lệ phí trên địa bàn</p>		

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định đã công bố TTHC	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ
						<i>tỉnh Vĩnh Long.</i>		
12	2.000889.000.00.00.H61	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyên nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền	- Thời gian thực hiện thủ tục như sau: + Thời gian thực hiện thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong trường hợp chuyên đổi, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho, đăng ký góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất là không quá 10 ngày <sup>1</sup> kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ; + Thời gian thực hiện thủ tục đăng	Người yêu cầu đăng ký biến động nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công tỉnh Vĩnh Long ( <a href="http://dichvucov.vn">http://dichvucov.vn</a> ) hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, đường Hoàng Thái Hiếu, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh	* <i>Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất</i> <sup>35</sup> : - <i>Tổ chức, cơ sở tôn giáo, cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân người nước ngoài, Người Việt Nam định cư tại nước ngoài: 50.000 đồng/Giấy chứng nhận.</i> - <i>Hộ gia đình, cá nhân có đất tọa lạc tại các phường thuộc thành phố Vĩnh Long, thị xã Bình Minh:</i> + <i>Chỉ có quyền sử dụng đất: 20.000 đồng/Giấy chứng nhận.</i> + <i>Có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 40.000 đồng/Giấy chứng nhận</i> - <i>Hộ gia đình, cá nhân có đất tọa lạc tại các xã, thị trấn thuộc các huyện, thị xã Bình Minh:</i> + <i>Chỉ có quyền sử dụng đất: 10.000 đồng/Giấy chứng nhận</i> + <i>Có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 20.000</i>	- Luật đất đai ngày 29/11/2013. - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Đất đai. - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành của Luật Đất đai. - Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường	684/QĐ-UBND ngày 29/3/2019	842/QĐ-UBND ngày 03/4/2020

<sup>35</sup> Theo quy định tại Khoản 5, Điều 4 Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định đã công bố TTHC	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ
		vớ đất; chuyên quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận	ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong trường hợp cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất là không quá 03 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ; + Thời gian thực hiện thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong trường hợp chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng là không quá 05 ngày kể từ	Long). Trường hợp người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân được chọn lựa nộp hồ sơ tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai hoặc tại Bộ phận Một cửa cấp huyện hoặc nộp hồ sơ tại UBND cấp xã nếu có nhu cầu <sup>(34)</sup>	<i>đồng/Giấy chứng nhận</i> * <i>Lệ phí cấp giấy đối với trường hợp xác nhận biến động vào Giấy chứng nhận đã cấp</i> - <i>Tổ chức, cơ sở tôn giáo, cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân người nước ngoài, Người Việt Nam định cư tại nước ngoài: 30.000 đồng/lần</i> - <i>Hộ gia đình, cá nhân có đất tọa lạc tại các phường thuộc thành phố Vĩnh Long, thị xã Bình Minh:</i> + <i>Chỉ có quyền sử dụng đất: 20.000 đồng/lần</i> + <i>Có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 28.000 đồng/lần</i> - <i>Hộ gia đình, cá nhân có đất tọa lạc tại các xã, thị trấn thuộc các huyện, thị xã Bình Minh:</i> + <i>Chỉ có quyền sử dụng đất: 10.000 đồng/lần</i> + <i>Có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 14.000 đồng/lần</i>	quy định về hồ sơ địa chính. - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và Nghị định 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ - Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của liên bộ: Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ và trình tự, thủ tục tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng		

<sup>(34)</sup> Quy định tại Khoản 2,3 Điều 60, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định đã công bố TTHC	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ
			<p>ngày nhận được hồ sơ hợp lệ;</p> <p>- Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định.</p> <p>- Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trong thời</p>		<p>- <i>Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất</i><sup>36</sup></p> <p>+ <i>Đất ở</i></p> <p>* <i>Diện tích dưới 500m<sup>2</sup>: 150.000đồng/ hồ sơ</i></p> <p>* <i>Diện tích từ 500m<sup>2</sup> đến dưới 1.000m<sup>2</sup>: 200.000 đồng/hồ sơ</i></p> <p>* <i>Diện tích từ 1.000m<sup>2</sup> trở lên: 250.000 đồng/hồ sơ</i></p> <p>+ <i>Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, thương mại dịch vụ</i></p> <p>* <i>Diện tích dưới 500m<sup>2</sup>: 200.000 đồng/hồ sơ</i></p> <p>* <i>Diện tích từ 500m<sup>2</sup> đến dưới 1.000 m<sup>2</sup>: 350.000 đồng/hồ sơ</i></p> <p>* <i>Diện tích từ 1.000m<sup>2</sup> trở lên: 550.000 đồng/hồ sơ</i></p> <p>+ <i>Các loại đất còn lại (không bao gồm đất ở; đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, thương mại dịch vụ)</i></p> <p>* <i>Diện tích dưới 1.000m<sup>2</sup>: 120.000 đồng /hồ sơ</i></p> <p>* <i>Diện tích từ 1.000m<sup>2</sup> đến dưới</i></p>	<p>đất.</p> <p>- Thông tư 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017, quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai.</p> <p>- <i>Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND tỉnh Vĩnh Long ban hành mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng đối với các khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.</i></p>		

<sup>36</sup> Theo quy định tại Khoản 6, Điều 3 Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định đã công bố TTHC	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ
			hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả giải quyết		10.000 m <sup>2</sup> : 250.000 đồng/hồ sơ * Diện tích từ 10.000 m <sup>2</sup> trở lên: 400.000 đồng/hồ sơ			
13	2.000880.000.00.00.H61	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng	Thời gian thực hiện không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu	Người nhận quyền sử dụng đất nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, đường Hoàng Thái Hiếu, phường Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long). Trường hợp người nhận quyền sử dụng đất là hộ gia đình, cá	* <i>Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất</i> <sup>39</sup> : - <i>Tổ chức, cơ sở tôn giáo, cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân người nước ngoài, Người Việt Nam định cư tại nước ngoài: 50.000 đồng /Giấy chứng nhận.</i> - <i>Hộ gia đình, cá nhân có đất tọa lạc tại các phường thuộc thành phố Vĩnh Long, thị xã Bình Minh:</i> + <i>Chỉ có quyền sử dụng đất: 20.000 đồng /Giấy chứng nhận.</i> + <i>Có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 40.000 đồng /Giấy chứng nhận</i> - <i>Hộ gia đình, cá nhân có đất tọa lạc tại các xã, thị trấn thuộc các huyện, thị xã Bình Minh:</i> + <i>Chỉ có quyền sử dụng đất:</i>	- Luật đất đai ngày 29/11/2013. - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Đất đai. - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành của Luật Đất đai. - Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ;	684/QĐ-UBND ngày 29/3/2019	842/QĐ-UBND ngày 03/4/2020

<sup>39</sup> Theo quy định tại Khoản 5, Điều 4 Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định đã công bố TTHC	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ
		thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức, <b>chuyển đổi công ty</b> <sup>37</sup> ; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản	giám định. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả giải quyết	nhân được chọn lựa nộp hồ sơ tại Bộ phận Một cửa cấp huyện hoặc nộp hồ sơ tại UBND cấp xã nếu có nhu cầu <sup>(38)</sup>	<i>10.000 đ/Giấy chứng nhận + Có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 20.000 đồng /Giấy chứng nhận</i> * <i>Lệ phí cấp giấy đối với trường hợp xác nhận biến động vào Giấy chứng nhận đã cấp</i> - <i>Tổ chức, cơ sở tôn giáo, cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân người nước ngoài, Người Việt Nam định cư tại nước ngoài: 30.000 đồng/lần</i> - <i>Hộ gia đình, cá nhân có đất tọa lạc tại các phường thuộc thành phố Vĩnh Long, thị xã Bình Minh:</i> + <i>Chỉ có quyền sử dụng đất: 20.000 đồng/lần</i> + <i>Có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 28.000 đồng/lần</i> - <i>Hộ gia đình, cá nhân có đất tọa lạc tại các xã, thị trấn thuộc các huyện, thị xã Bình Minh:</i> + <i>Chỉ có quyền sử dụng đất:</i>	- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính. - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và Nghị định 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. - Thông tư 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017, quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa		

<sup>37</sup> Theo quy định tại Khoản 5 Điều 9 Thông tư 24/2014/TT-BTNMT

<sup>(38)</sup> Quy định tại Khoản 2,3 Điều 60, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP



TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định đã công bố TTHC	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ
		gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp			<p>10.000 đồng/lần</p> <p>+ Có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 14.000 đồng/lần</p> <p>- Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất<sup>(40)</sup></p> <p>+ Đất ở</p> <p>* Diện tích dưới 500m<sup>2</sup>: 150.000đồng/ hồ sơ</p> <p>* Diện tích từ 500m<sup>2</sup> đến dưới 1.000m<sup>2</sup>: 200.000 đồng/hồ sơ</p> <p>* Diện tích từ 1.000m<sup>2</sup> trở lên: 250.000 đồng/hồ sơ</p> <p>+ Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, thương mại dịch vụ</p> <p>* Diện tích dưới 500m<sup>2</sup>: 200.000 đồng /hồ sơ</p> <p>* Diện tích từ 500m<sup>2</sup> đến dưới 1.000 m<sup>2</sup>: 350.000 đồng/hồ sơ</p> <p>* Diện tích từ 1.000m<sup>2</sup> trở lên: 550.000 đồng/hồ sơ</p> <p>+ Các loại đất còn lại (không bao gồm đất ở; đất sản xuất, kinh</p>	<p>đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai.</p> <p>- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND tỉnh Vĩnh Long ban hành mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng đối với các khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.</p> <p>- Công văn số 4796/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 04/9/2020 của Tổng cục quản lý đất đai – Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc thành phần hồ sơ đăng ký biến động trong trường hợp xử lý tài sản bảo đảm là nợ xấu.</p>		

<sup>40</sup> Theo quy định tại Khoản 6, Điều 3 Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định đã công bố TTHC	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ
					<i>doanh phi nông nghiệp, thương mại dịch vụ)</i> * Diện tích dưới 1.000m <sup>2</sup> : 120.000 đồng /hồ sơ * Diện tích từ 1.000m <sup>2</sup> đến dưới 10.000 m <sup>2</sup> : 250.000 đồng/hồ sơ * Diện tích từ 10.000 m <sup>2</sup> trở lên: 400.000 đồng/hồ sơ.			
14	1.004227.000.00.00.H61	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc	Thời gian thực hiện không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời	Người sử dụng đất nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, đường Hoàng Thái Hiếu, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long). Trường	* <i>Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất</i> <sup>(42)</sup> : - <i>Tổ chức, cơ sở tôn giáo, cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân người nước ngoài, Người Việt Nam định cư tại nước ngoài: 50.000 đồng /Giấy chứng nhận.</i> - <i>Hộ gia đình, cá nhân có đất tọa lạc tại các phường thuộc thành phố Vĩnh Long, thị xã Bình Minh:</i> + <i>Chỉ có quyền sử dụng đất: 20.000 đồng/Giấy chứng nhận.</i> + <i>Có quyền sở hữu nhà ở và tài</i>	- Luật đất đai ngày 29/11/2013. - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Đất đai. - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành của Luật Đất đai. - Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý	684/QĐ-UBND ngày 29/3/2019	842/QĐ-UBND ngày 03/4/2020

<sup>(42)</sup>Theo quy định tại Khoản 5, Điều 4 Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định đã công bố TTHC	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ
		giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền	gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung câu giám định. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả giải quyết	hợp người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân được chọn lựa nộp hồ sơ tại Bộ phận Một cửa cấp huyện hoặc nộp hồ sơ tại Bộ phận Một cửa cấp xã nếu có nhu cầu <sup>(41)</sup>	<p><i>sản khác gắn liền với đất: 40.000 đồng/Giấy chứng nhận</i></p> <p>- <i>Hộ gia đình, cá nhân có đất tọa lạc tại các xã, thị trấn thuộc các huyện, thị xã Bình Minh:</i></p> <p>+ <i>Chỉ có quyền sử dụng đất: 10.000 đồng/Giấy chứng nhận</i></p> <p>+ <i>Có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 20.000 đồng/Giấy chứng nhận</i></p> <p>* <i>Lệ phí cấp giấy đối với trường hợp xác nhận biến động vào Giấy chứng nhận đã cấp<sup>(43)</sup>:</i></p> <p>- <i>Tổ chức, cơ sở tôn giáo, cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân người nước ngoài, Người Việt Nam định cư tại nước ngoài: 30.000 đồng/lần</i></p> <p>- <i>Hộ gia đình, cá nhân có đất tọa lạc tại các phường thuộc thành phố Vĩnh Long, thị xã Bình Minh:</i></p> <p>+ <i>Chỉ có quyền sử dụng đất: 20.000 đồng/lần</i></p> <p>+ <i>Có quyền sở hữu nhà ở và tài</i></p>	<p>thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính.</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.</p> <p>- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và Nghị định 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.</p>		

<sup>(41)</sup> Quy định tại Khoản 2,3 Điều 60, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP

<sup>(43)</sup> Theo quy định tại Khoản 5, Điều 4 Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định đã công bố TTHC	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ
		với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận			<p>sản khác gắn liền với đất: 28.000 đồng/lần</p> <p>- Hộ gia đình, cá nhân có đất tọa lạc tại các xã, thị trấn thuộc các huyện, thị xã Bình Minh:</p> <p>+ Chỉ có quyền sử dụng đất: 10.000 đồng/lần</p> <p>+ Có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 14.000 đồng/lần</p> <p>- Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất<sup>44</sup></p> <p>+ Đất ở</p> <p>* Diện tích dưới 500m<sup>2</sup>: 150.000đồng/ hồ sơ</p> <p>* Diện tích từ 500m<sup>2</sup> đến dưới 1.000m<sup>2</sup>: 200.000 đồng/hồ sơ</p> <p>* Diện tích từ 1.000m<sup>2</sup> trở lên: 250.000 đồng/hồ sơ</p> <p>+ Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, thương mại dịch vụ</p> <p>* Diện tích dưới 500m<sup>2</sup>: 200.000 đồng /hồ sơ</p> <p>* Diện tích từ</p>	<p>- Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của liên bộ: Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ và trình tự, thủ tục tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất</p> <p>- Thông tư 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017, quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai.</p> <p>- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND tỉnh Vĩnh Long ban hành mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng đối với các</p>		

<sup>44</sup> Theo quy định tại Khoản 6, Điều 3 Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định đã công bố TTHC	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ
					<p>500m<sup>2</sup> đến dưới 1.000 m<sup>2</sup>: 350.000 đồng/hồ sơ</p> <p>* Diện tích từ 1.000m<sup>2</sup> trở lên: 550.000 đồng/hồ sơ</p> <p>+ Các loại đất còn lại (không bao gồm đất ở; đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, thương mại dịch vụ)</p> <p>* Diện tích dưới 1.000m<sup>2</sup>: 120.000 đồng /hồ sơ</p> <p>* Diện tích từ 1.000m<sup>2</sup> đến dưới 10.000 m<sup>2</sup>: 250.000 đồng/hồ sơ</p> <p>* Diện tích từ 10.000 m<sup>2</sup> trở lên: 400.000 đồng/hồ sơ</p>	khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.		
15	1.001134.000.00.00.H61	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền	Thời gian thực hiện không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, trong đó: 07 ngày tại Văn phòng đăng ký đất đai, 08 ngày tại cơ quan tài nguyên và môi trường	Người sử dụng đất nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, đường	<p>* Lệ phí cấp giấy đối với trường hợp cấp Giấy chứng nhận cho phân đất có biến động: nội dung “Cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận”<sup>(46)</sup></p> <p>- Tổ chức, cơ sở tôn giáo, cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân</p>	<p>- Luật đất đai ngày 29/11/2013.</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Đất đai.</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung</p>	684/QĐ-UBND ngày 29/3/2019	842/QĐ-UBND ngày 03/4/2020

<sup>(46)</sup> Theo quy định tại Khoản 5, Điều 4 Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định đã công bố TTHC	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ
		hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất	trường; 05 ngày tại UBND tỉnh. Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định. - Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trong thời hạn không quá 03	Hoàng Thái Hiếu, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long). Trường hợp người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận Một cửa cấp huyện hoặc nộp hồ sơ tại Bộ phận Một cửa cấp xã nếu có nhu cầu <sup>(45)</sup>	<i>người nước ngoài, Người Việt Nam định cư tại nước ngoài: 50.000 đồng/Giấy chứng nhận</i> - <i>Hộ gia đình, cá nhân có đất tọa lạc các phường thuộc thành phố Vĩnh Long, thị xã Bình Minh:</i> + <i>Chỉ có quyền sử dụng đất: 20.000 đồng/Giấy chứng nhận</i> + <i>Có chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 40.000 đồng/Giấy chứng nhận</i> - <i>Hộ gia đình, cá nhân có đất tọa lạc các xã, thị trấn thuộc các huyện, thị xã Bình Minh:</i> + <i>Chỉ có quyền sử dụng đất: 10.000 đồng/Giấy chứng nhận</i> + <i>Có chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 20.000 đồng/Giấy chứng nhận</i> * <i>Lệ phí cấp giấy đối với trường hợp xác nhận thay đổi vào Giấy chứng nhận đã cấp: nội dung “Chứng nhận đăng ký biến động”</i> - <i>Tổ chức, cơ sở tôn giáo, cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân</i>	một số Nghị định quy định chi tiết thi hành của Luật Đất đai. - Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP. - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính. - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. - Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của liên bộ: Bộ Tài chính và Bộ Tài		

<sup>(45)</sup> Quy định tại Khoản 2,3 Điều 60, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định đã công bố TTHC	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ
			ngày làm việc kể từ ngày có kết quả giải quyết		<p><i>người nước ngoài, người Việt Nam định cư tại nước ngoài: 30.000 đồng/lần</i></p> <p><i>- Hộ gia đình, cá nhân có đất tọa lạc tại các phường thuộc thành phố Vĩnh Long, thị xã Bình Minh:</i></p> <p><i>+ Chỉ có quyền sử dụng đất: 20.000 đồng/lần</i></p> <p><i>+ Có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 28.000 đồng/lần</i></p> <p><i>- Hộ gia đình, cá nhân có đất tọa lạc tại các xã, thị trấn thuộc các huyện, thị xã Bình Minh:</i></p> <p><i>+ Chỉ có quyền sử dụng đất: 10.000 đồng/lần</i></p> <p><i>+ Có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 14.000 đồng/lần</i></p> <p><i>- Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất<sup>(47)</sup></i></p> <p><i>+ Đất ở</i></p> <p><i>* Diện tích dưới 500m<sup>2</sup>: 150.000đồng/ hồ sơ</i></p> <p><i>* Diện tích từ 500m<sup>2</sup> đến dưới</i></p>	<p>nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ và trình tự, thủ tục tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất;</p> <p>- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai.</p> <p>- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND tỉnh Vĩnh Long ban hành mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng đối với các khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.</p>		

<sup>(47)</sup> Theo quy định tại Khoản 6, Điều 3 Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định đã công bố TTHC	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ
					<p>1.000m<sup>2</sup>: 200.000 đồng/hồ sơ</p> <p>* Diện tích từ 1.000m<sup>2</sup> trở lên: 250.000 đồng/hồ sơ</p> <p>+ Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, thương mại dịch vụ</p> <p>* Diện tích dưới 500m<sup>2</sup>: 200.000 đồng/hồ sơ</p> <p>* Diện tích từ 500m<sup>2</sup> đến dưới 1.000 m<sup>2</sup>: 350.000 đồng/hồ sơ</p> <p>* Diện tích từ 1.000m<sup>2</sup> trở lên: 550.000 đồng/hồ sơ</p> <p>+ Các loại đất còn lại (không bao gồm đất ở; đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, thương mại dịch vụ)</p> <p>* Diện tích dưới 1.000m<sup>2</sup>: 120.000 đồng/hồ sơ</p> <p>* Diện tích từ 1.000m<sup>2</sup> đến dưới 10.000 m<sup>2</sup>: 250.000 đồng/hồ sơ</p> <p>* Diện tích từ 10.000 m<sup>2</sup> trở lên: 400.000 đồng/hồ sơ</p>			
16	1.001991.000.00.00.H61	Bán hoặc góp vốn bằng tài	Thời gian thực hiện không quá 28 ngày làm việc kể từ ngày	Người sử dụng đất thực hiện mua bán, góp	* Lệ phí cấp giấy đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu	- Luật đất đai ngày 29/11/2013. - Nghị định số 43/2014/NĐ-	684/QĐ-UBND ngày	842/QĐ-UBND ngày



TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định đã công bố TTHC	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ
		sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	nhận được hồ sơ hợp lệ, trong đó, 08 ngày cho thủ tục đăng ký biến động về mua, góp vốn tài sản và 20 ngày cho thủ tục thuê đất. Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định Kết quả giải quyết	vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, đường Hoàng Thái Hiếu, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long). Trường hợp người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân được chọn lựa nộp hồ sơ tại Bộ phận Một cửa cấp huyện hoặc nộp hồ sơ	nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất <sup>(49)</sup> - Tổ chức, cơ sở tôn giáo, cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân người nước ngoài, Người Việt Nam định cư tại nước ngoài: 50.000 đ/Giấy chứng nhận. - Hộ gia đình, cá nhân có đất tọa lạc tại các phường thuộc thành phố Vĩnh Long, thị xã Bình Minh: + Chỉ có quyền sử dụng đất: 20.000 đ/Giấy chứng nhận. + Có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 40.000 đ/Giấy chứng nhận - Hộ gia đình, cá nhân có đất tọa lạc tại các xã, thị trấn thuộc các huyện, thị xã Bình Minh: + Chỉ có quyền sử dụng đất: 10.000 đ/Giấy chứng nhận + Có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 20.000 đ/Giấy chứng nhận * Lệ phí cấp giấy đối với trường hợp xác nhận biến động vào Giấy	CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Đất đai. - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành của Luật Đất đai. - Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính. - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận	29/3/2019	03/4/2020

<sup>49</sup> Theo quy định tại Khoản 5, Điều 4 Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định đã công bố TTHC	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ
			thủ tục hành chính phải trả cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả giải quyết.	tại Bộ phận Một cửa cấp xã nếu có nhu cầu <sup>(48)</sup>	<p>chứng nhận đã cấp</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức, cơ sở tôn giáo, cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân người nước ngoài, Người Việt Nam định cư tại nước ngoài: 30.000 đồng/lần</li> <li>- Hộ gia đình, cá nhân có đất tọa lạc tại các phường thuộc thành phố Vĩnh Long, thị xã Bình Minh: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chỉ có quyền sử dụng đất: 20.000 đồng/lần</li> <li>+ Có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 28.000 đồng/lần</li> </ul> </li> <li>- Hộ gia đình, cá nhân có đất tọa lạc tại các xã, thị trấn thuộc các huyện, thị xã Bình Minh: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chỉ có quyền sử dụng đất: 10.000 đồng/lần</li> <li>+ Có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 14.000 đồng/lần</li> </ul> </li> <li>- <i>Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất</i><sup>50</sup></li> </ul>	<p>quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và Nghị định 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ</li> <li>- Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của liên bộ: Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ và trình tự, thủ tục tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất.</li> <li>- Thông tư 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017, quy định chi tiết Nghị định số</li> </ul>		

<sup>(48)</sup> Quy định tại Khoản 2,3 Điều 60, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP

<sup>50</sup> Theo quy định tại Khoản 6, Điều 3 Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định đã công bố TTHC	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ
					<p>+ Đất ở</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Diện tích dưới 500m<sup>2</sup>: 150.000đồng/hồ sơ</li> <li>* Diện tích từ 500m<sup>2</sup> đến dưới 1.000m<sup>2</sup>: 200.000 đồng/hồ sơ</li> <li>* Diện tích từ 1.000m<sup>2</sup> trở lên: 250.000 đồng/hồ sơ</li> </ul> <p>+ Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, thương mại dịch vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Diện tích dưới 500m<sup>2</sup>: 200.000 đồng /hồ sơ</li> <li>* Diện tích từ 500m<sup>2</sup> đến dưới 1.000 m<sup>2</sup>: 350.000 đồng/hồ sơ</li> <li>* Diện tích từ 1.000m<sup>2</sup> trở lên: 550.000 đồng/hồ sơ</li> </ul> <p>+ Các loại đất còn lại (không bao gồm đất ở; đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, thương mại dịch vụ)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Diện tích dưới 1.000m<sup>2</sup>: 120.000 đồng /hồ sơ</li> <li>* Diện tích từ 1.000m<sup>2</sup> đến dưới 10.000 m<sup>2</sup>: 250.000 đồng/hồ sơ</li> <li>* Diện tích từ 10.000 m<sup>2</sup> trở lên: 400.000 đồng/hồ sơ</li> </ul>	<p>01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai.</p> <p>- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND tỉnh Vĩnh Long ban hành mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng đối với các khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.</p>		
17	1.004238	Xóa đăng	Trường hợp xóa	Một trong các	* Lệ phí cấp giấy đổi với trường	- Luật đất đai ngày	684/QĐ-	842/QĐ-

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định đã công bố TTHC	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ
	.000.00.0 0.H61	ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	đăng ký góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất: không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ - Trường hợp đăng ký, xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất : không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính	bên hoặc các bên ký hợp đồng thuê, thuê lại, hợp đồng góp vốn quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, đường Hoàng Thái Hiếu, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long). Trường hợp người sử dụng đất là hộ gia đình, cá	hợp cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất <sup>(52)</sup> - Tổ chức, cơ sở tôn giáo, cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân người nước ngoài, Người Việt Nam định cư tại nước ngoài: 50.000 đồng /Giấy chứng nhận. - Hộ gia đình, cá nhân có đất tọa lạc tại các phường thuộc thành phố Vĩnh Long, thị xã Bình Minh: + Chỉ có quyền sử dụng đất: 20.000 đồng /Giấy chứng nhận. + Có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 40.000 đồng /Giấy chứng nhận - Hộ gia đình, cá nhân có đất tọa lạc tại các xã, thị trấn thuộc các huyện, thị xã Bình Minh: + Chỉ có quyền sử dụng đất: 10.000 đồng /Giấy chứng nhận + Có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 20.000 đồng /Giấy chứng nhận	29/11/2013. - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Đất đai. - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành của Luật Đất đai. - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính. - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. - Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND tỉnh Vĩnh Long ban hành mức thu, chế độ thu, nộp,	UBND ngày 29/3/2019	UBND ngày 03/4/2020

<sup>(52)</sup> Theo quy định tại Khoản 5, Điều 4 Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định đã công bố TTHC	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ
			<p>của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả giải quyết.</p>	<p>nhân được chọn lựa nộp hồ sơ tại Bộ phận Một cửa cấp huyện hoặc tại UBND cấp xã nếu có nhu cầu.<sup>(51)</sup></p>	<p>* Lệ phí cấp giấy đối với trường hợp xác nhận biến động vào Giấy chứng nhận đã cấp<sup>(53)</sup></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức, cơ sở tôn giáo, cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân người nước ngoài, Người Việt Nam định cư tại nước ngoài: 30.000 đồng/lần</li> <li>- Hộ gia đình, cá nhân có đất tọa lạc tại các phường thuộc thành phố Vĩnh Long, thị xã Bình Minh: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chỉ có quyền sử dụng đất: 20.000 đồng/lần</li> <li>+ Có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 28.000 đồng/lần</li> </ul> </li> <li>- Hộ gia đình, cá nhân có đất tọa lạc tại các xã, thị trấn thuộc các huyện, thị xã Bình Minh: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chỉ có quyền sử dụng đất: 10.000 đồng/lần</li> <li>+ Có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 14.000 đồng/lần</li> </ul> </li> </ul>	<p><i>quản lý và sử dụng đối với các khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.</i></p>		

<sup>(51)</sup> Quy định tại Khoản 2,3 Điều 60, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP

<sup>(53)</sup> Theo quy định tại Khoản 5, Điều 4 Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định đã công bố TTHC	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ
					<p>- Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất<sup>(54)</sup></p> <p>+ Đất ở</p> <p>* Diện tích dưới 500m<sup>2</sup>: 150.000đồng/ hồ sơ</p> <p>* Diện tích từ 500m<sup>2</sup> đến dưới 1.000m<sup>2</sup>: 200.000 đồng/hồ sơ</p> <p>* Diện tích từ 1.000m<sup>2</sup> trở lên: 250.000 đồng/hồ sơ</p> <p>+ Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, thương mại dịch vụ</p> <p>* Diện tích dưới 500m<sup>2</sup>: 200.000 đồng /hồ sơ</p> <p>* Diện tích từ 500m<sup>2</sup> đến dưới 1.000 m<sup>2</sup>: 350.000 đồng/hồ sơ</p> <p>* Diện tích từ 1.000m<sup>2</sup> trở lên: 550.000 đồng/hồ sơ</p> <p>+ Các loại đất còn lại (không bao gồm đất ở; đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, thương mại dịch vụ)</p> <p>* Diện tích dưới 1.000m<sup>2</sup>: 120.000 đồng /hồ sơ</p> <p>* Diện tích từ 1.000m<sup>2</sup> đến dưới 10.000 m<sup>2</sup>: 250.000 đồng/hồ sơ</p>			

<sup>(54)</sup> Theo quy định tại Khoản 6, Điều 3 Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định đã công bố TTHC	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ
					* Diện tích từ 10.000 m <sup>2</sup> trở lên: 400.000 đồng/hồ sơ			
18	1.004221 .000.00.0 0.H61	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thừa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thừa đất liền kề	Thời gian thực hiện không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định. Kết quả giải quyết	Người sử dụng đất nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, đường Hoàng Thái Hiếu, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long). Trường hợp người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân được chọn lựa nộp hồ sơ tại Bộ phận Một	* Lệ phí cấp giấy đối với trường hợp xác nhận biến động vào Giấy chứng nhận đã cấp <sup>(56)</sup> : - Tổ chức, cơ sở tôn giáo, cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân người nước ngoài, Người Việt Nam định cư tại nước ngoài: 30.000 đồng/lần - Hộ gia đình, cá nhân, có đất tọa lạc tại các phường thuộc thành phố, thị xã; các thị trấn thuộc huyện: + Chỉ có quyền sử dụng đất: 20.000 đồng/lần + Có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 28.000 đồng/lần - Hộ gia đình, cá nhân, đất tọa lạc các xã thuộc huyện, thị xã (áp dụng cho trường hợp có hộ khẩu thường trú tại các phường thuộc thành phố, thị xã; các thị trấn thuộc	- Luật đất đai ngày 29/11/2013. - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Đất đai. - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành của Luật Đất đai. - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính. - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	684/QĐ-UBND ngày 29/3/2019	842/QĐ-UBND ngày 03/4/2020

<sup>(56)</sup> Theo quy định tại Khoản 5, Điều 4 Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định đã công bố TTHC	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ
			thủ tục hành chính phải trả cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả giải quyết	cửa cấp huyện hoặc nộp hồ sơ tại Bộ phận Một cửa cấp xã nếu có nhu cầu <sup>(55)</sup>	huyện): + Chỉ có quyền sử dụng đất: 10.000 đồng/lần + Có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 14.000 đồng/lần - <i>Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất</i> <sup>(57)</sup> + Đất ở * Diện tích dưới 500m <sup>2</sup> : 150.000đồng/ hồ sơ * Diện tích từ 500m <sup>2</sup> đến dưới 1.000m <sup>2</sup> : 200.000 đồng/hồ sơ * Diện tích từ 1.000m <sup>2</sup> trở lên: 250.000 đồng/hồ sơ + Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, thương mại dịch vụ * Diện tích dưới 500m <sup>2</sup> : 200.000 đồng /hồ sơ * Diện tích từ 500m <sup>2</sup> đến dưới 1.000 m <sup>2</sup> : 350.000 đồng/hồ sơ * Diện tích từ 1.000m <sup>2</sup> trở lên: 550.000 đồng/hồ sơ + Các loại đất còn lại (không bao	- Thông tư 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017, quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai. - Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND tỉnh Vĩnh Long ban hành mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng đối với các khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long		

<sup>(55)</sup> Quy định tại Khoản 2,3 Điều 60, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP

<sup>(57)</sup> Theo quy định tại Khoản 6, Điều 3 Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long



TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định đã công bố TTHC	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ
					<p><i>gồm đất ở; đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, thương mại dịch vụ)</i></p> <p><i>* Diện tích dưới 1.000m<sup>2</sup>: 120.000 đồng /hồ sơ</i></p> <p><i>* Diện tích từ 1.000m<sup>2</sup> đến dưới 10.000 m<sup>2</sup>: 250.000 đồng/hồ sơ</i></p> <p><i>* Diện tích từ 10.000 m<sup>2</sup> trở lên: 400.000 đồng/hồ sơ</i></p>			
19	1.001990 .000.00.0 0.H61	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế <sup>58</sup>	Thời gian thực hiện không quá 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Thời gian này không bao gồm thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng	Người sử dụng đất có nhu cầu gia hạn nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, đường Hoàng Thái Hiếu, phường 1, thành phố Vĩnh Long,	<p>* Lệ phí cấp giấy đối với trường hợp cấp Giấy chứng nhận cho phần đất có biến động : nội dung “Cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận”<sup>60</sup></p> <p>- Tổ chức, cơ sở tôn giáo, cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân người nước ngoài, Người Việt Nam định cư tại nước ngoài: 50.000 đồng/Giấy chứng nhận</p> <p>- Hộ gia đình, cá nhân có đất tọa lạc các phường thuộc thành phố</p>	<p>- Luật đất đai ngày 29/11/2013.</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Đất đai.</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành của Luật Đất đai.</p> <p>- Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành</p>	684/QĐ-UBND ngày 29/3/2019	1142/QĐ-UBND ngày 13/5/2020

<sup>58</sup> Thủ tục Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ

<sup>60</sup> Theo quy định tại Khoản 5, Điều 4 Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định đã công bố TTHC	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ
			cầu giám định.	tỉnh Vĩnh Long). Trường hợp người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân được chọn lựa nộp hồ sơ tại Bộ phận Một cửa cấp huyện hoặc nộp hồ sơ tại Bộ phận Một cửa cấp xã nếu có nhu cầu <sup>(59)</sup>	Vĩnh Long, thị xã Bình Minh : + Chỉ có quyền sử dụng đất: 20.000 đồng/Giấy chứng nhận + Có chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 40.000 đồng/Giấy chứng nhận - Hộ gia đình, cá nhân có đất tọa lạc các xã, thị trấn thuộc các huyện, thị xã Bình Minh: + Chỉ có quyền sử dụng đất: 10.000 đồng/Giấy chứng nhận + Có chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 20.000 đồng/Giấy chứng nhận * Lệ phí cấp giấy đối với trường hợp xác nhận thay đổi vào Giấy chứng nhận đã cấp: nội dung “Chứng nhận đăng ký biến động” <sup>(61)</sup> - Tổ chức, cơ sở tôn giáo, cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân người nước ngoài, người Việt Nam định cư tại nước ngoài: 30.000 đồng/lần	một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP. - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính. - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. - Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của liên bộ: Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ và trình tự, thủ tục tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính		

<sup>(59)</sup> Quy định tại Khoản 2,3 Điều 60, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP

<sup>(61)</sup> Theo quy định tại Khoản 5, Điều 4 Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định đã công bố TTHC	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ
					<p>- Hộ gia đình, cá nhân có đất tọa lạc tại các phường thuộc thành phố Vĩnh Long, thị xã Bình Minh: + Chỉ có quyền sử dụng đất: 20.000 đồng/lần + Có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 28.000 đồng/lần</p> <p>- Hộ gia đình, cá nhân có đất tọa lạc tại các xã, thị trấn thuộc các huyện, thị xã Bình Minh: + Chỉ có quyền sử dụng đất: 10.000 đồng/lần + Có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 14.000 đồng/lần</p> <p>- <i>Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất</i><sup>62</sup> + Đất ở * Diện tích dưới 500m<sup>2</sup>: 150.000đồng/ hồ sơ * Diện tích từ 500m<sup>2</sup> đến dưới 1.000m<sup>2</sup>: 200.000 đồng/hồ sơ * Diện tích từ 1.000m<sup>2</sup> trở lên: 250.000 đồng/hồ sơ</p>	<p>về đất đai của người sử dụng đất; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai. - <i>Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND tỉnh Vĩnh Long ban hành mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng đối với các khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.</i></p>		

<sup>62</sup> Theo quy định tại Khoản 6, Điều 3 Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định đã công bố TTHC	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ
					<p>+ Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, thương mại dịch vụ</p> <p>* Diện tích dưới 500m<sup>2</sup>: 200.000 đồng/hồ sơ</p> <p>* Diện tích từ 500m<sup>2</sup> đến dưới 1.000 m<sup>2</sup>: 350.000 đồng/hồ sơ</p> <p>* Diện tích từ 1.000m<sup>2</sup> trở lên: 550.000 đồng/hồ sơ</p> <p>+ Các loại đất còn lại (không bao gồm đất ở; đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, thương mại dịch vụ)</p> <p>* Diện tích dưới 1.000m<sup>2</sup>: 120.000 đồng/hồ sơ</p> <p>* Diện tích từ 1.000m<sup>2</sup> đến dưới 10.000 m<sup>2</sup>: 250.000 đồng/hồ sơ</p> <p>* Diện tích từ 10.000 m<sup>2</sup> trở lên: 400.000 đồng/hồ sơ</p>			
20	1.004206.000.00.00.H61	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ	Thời gian thực hiện không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Thời gian này không tính thời	Hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp được	<p>* Lệ phí cấp giấy đối với trường hợp xác nhận thay đổi vào Giấy chứng nhận đã cấp: nội dung “Chứng nhận đăng ký biến động”<sup>(64)</sup></p> <p>- Hộ gia đình, cá nhân, đất tọa lạc</p>	<p>- Luật đất đai ngày 29/11/2013.</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Đất đai.</p>	684/QĐ-UBND ngày 29/3/2019	842/QĐ-UBND ngày 03/4/2020

<sup>(64)</sup>Theo quy định tại Khoản 5, Điều 4 Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định đã công bố TTHC	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ
		gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu	gian các ngày nghỉ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ và xác nhận tại xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ	chọn lựa nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, đường Hoàng Thái Hiếu, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc Bộ phận Một cửa cấp huyện hoặc nộp hồ sơ tại Bộ phận Một cửa cấp xã nếu có nhu cầu <sup>(63)</sup>	các phường thuộc thành phố, thị xã; các thị trấn thuộc huyện: + Chỉ có quyền sử dụng đất: 20.000 đồng/lần + Có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 28.000 đồng/lần - Hộ gia đình, cá nhân, đất tọa lạc các xã thuộc huyện, thị xã (áp dụng cho trường hợp có hộ khẩu thường trú tại các phường thuộc thành phố, thị xã; các thị trấn thuộc huyện): + Chỉ có quyền sử dụng đất: 10.000 đồng/lần + Có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 14.000 đồng/lần - <i>Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất</i> <sup>65</sup> + <i>Đất ở</i> * <i>Diện tích dưới 500m<sup>2</sup>: 150.000đồng/ hồ sơ</i> * <i>Diện tích từ 500m<sup>2</sup> đến dưới</i>	- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành của Luật Đất đai. - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính. - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật		

<sup>(63)</sup> Quy định tại Khoản 2,3 Điều 60, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP

<sup>65</sup> Theo quy định tại Khoản 6, Điều 3 Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định đã công bố TTHC	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ
			ngày có kết quả giải quyết		<p>1.000m<sup>2</sup>: 200.000 đồng/hồ sơ</p> <p>* Diện tích từ 1.000m<sup>2</sup> trở lên: 250.000 đồng/hồ sơ</p> <p>+ Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, thương mại dịch vụ</p> <p>* Diện tích dưới 500m<sup>2</sup>: 200.000 đồng/hồ sơ</p> <p>* Diện tích từ 500m<sup>2</sup> đến dưới 1.000 m<sup>2</sup>: 350.000 đồng/hồ sơ</p> <p>* Diện tích từ 1.000m<sup>2</sup> trở lên: 550.000 đồng/hồ sơ</p> <p>+ Các loại đất còn lại (không bao gồm đất ở; đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, thương mại dịch vụ)</p> <p>* Diện tích dưới 1.000m<sup>2</sup>: 120.000 đồng/hồ sơ</p> <p>* Diện tích từ 1.000m<sup>2</sup> đến dưới 10.000 m<sup>2</sup>: 250.000 đồng/hồ sơ</p> <p>* Diện tích từ 10.000 m<sup>2</sup> trở lên: 400.000 đồng/hồ sơ</p>	đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai. - Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND tỉnh Vĩnh Long ban hành mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng đối với các khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.		
21	1.004203 .000.00.0 0.H61	Tách thửa hoặc hợp thửa đất	Thời gian thực hiện không quá 13 ngày làm việc kể từ ngày	Người sử dụng đất nộp hồ sơ trực tiếp tại	* Lệ phí cấp giấy đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu	- Luật đất đai ngày 29/11/2013 - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính	684/QĐ-UBND ngày	842/QĐ-UBND ngày

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định đã công bố TTHC	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ
			<p>nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định.</p> <p>Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trong thời hạn không quá 03</p>	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, đường Hoàng Thái Hiếu, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long). Trường hợp người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân được chọn lựa nộp hồ sơ tại Bộ phận Một cửa cấp huyện hoặc nộp hồ sơ tại Bộ phận Một cửa cấp xã nếu có nhu cầu<sup>(66)</sup></p>	<p>nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất<sup>(67)</sup></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức, cơ sở tôn giáo, cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân người nước ngoài, Người Việt Nam định cư tại nước ngoài: 50.000 đồng/Giấy chứng nhận.</li> <li>- Hộ gia đình, cá nhân có đất tọa lạc tại các phường thuộc thành phố Vĩnh Long, thị xã Bình Minh: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chỉ có quyền sử dụng đất: 20.000 đồng /Giấy chứng nhận.</li> <li>+ Có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 40.000 đồng /Giấy chứng nhận</li> </ul> </li> <li>- Hộ gia đình, cá nhân có đất tọa lạc tại các xã, thị trấn thuộc các huyện, thị xã Bình Minh: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chỉ có quyền sử dụng đất: 10.000 đồng /Giấy chứng nhận</li> <li>+ Có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 20.000 đồng /Giấy chứng nhận</li> </ul> </li> </ul> <p>* Lệ phí cấp giấy đối với trường hợp xác nhận biến động vào Giấy</p>	<p>phù quy định chi tiết một số điều Luật Đất đai.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành của Luật Đất đai.</li> <li>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính.</li> <li>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.</li> <li>- Thông tư 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017, quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật</li> </ul>	29/3/2019	03/4/2020

<sup>(66)</sup> Quy định tại Khoản 2,3 Điều 60, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định đã công bố TTHC	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ
			ngày làm việc kể từ ngày có kết quả giải quyết.		<p>chứng nhận đã cấp<sup>68</sup></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức, cơ sở tôn giáo, cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân người nước ngoài, Người Việt Nam định cư tại nước ngoài: 30.000 đồng/lần</li> <li>- Hộ gia đình, cá nhân có đất tọa lạc tại các phường thuộc thành phố Vĩnh Long, thị xã Bình Minh: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chỉ có quyền sử dụng đất: 20.000 đồng/lần</li> <li>+ Có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 28.000 đồng/lần</li> </ul> </li> <li>- Hộ gia đình, cá nhân có đất tọa lạc tại các xã, thị trấn thuộc các huyện, thị xã Bình Minh: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chỉ có quyền sử dụng đất: 10.000 đồng/lần</li> <li>+ Có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 14.000 đồng/lần</li> </ul> </li> <li>- <i>Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất</i><sup>69</sup></li> </ul>	<p>đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai.</p> <p>- <i>Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND tỉnh Vĩnh Long ban hành mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng đối với các khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.</i></p>		

<sup>67)</sup> Theo quy định tại Khoản 5, Điều 4 Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long

<sup>68)</sup> Theo quy định tại Khoản 5, Điều 4 Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long



TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định đã công bố TTHC	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ
					<p>+ Đất ở</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Diện tích dưới 500m<sup>2</sup>: 150.000đồng/ hồ sơ</li> <li>* Diện tích từ 500m<sup>2</sup> đến dưới 1.000m<sup>2</sup>: 200.000 đồng/hồ sơ</li> <li>* Diện tích từ 1.000m<sup>2</sup> trở lên: 250.000 đồng/hồ sơ</li> </ul> <p>+ Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, thương mại dịch vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Diện tích dưới 500m<sup>2</sup>: 200.000 đồng /hồ sơ</li> <li>* Diện tích từ 500m<sup>2</sup> đến dưới 1.000 m<sup>2</sup>: 350.000 đồng/hồ sơ</li> <li>* Diện tích từ 1.000m<sup>2</sup> trở lên: 550.000 đồng/hồ sơ</li> </ul> <p>+ Các loại đất còn lại (không bao gồm đất ở; đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, thương mại dịch vụ)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Diện tích dưới 1.000m<sup>2</sup>: 120.000 đồng /hồ sơ</li> <li>* Diện tích từ 1.000m<sup>2</sup> đến dưới 10.000 m<sup>2</sup>: 250.000 đồng/hồ sơ</li> <li>* Diện tích từ 10.000 m<sup>2</sup> trở lên: 400.000 đồng/hồ sơ</li> </ul>			

<sup>69</sup> Theo quy định tại Khoản 6, Điều 3 Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định đã công bố TTHC	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ
22	1.004199 .000.00.0 0.H61	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	Thời gian thực hiện không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cấp đổi đồng loạt cho nhiều người sử dụng đất do đo vẽ lại bản đồ là không quá 50 ngày - Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật,	Người sử dụng đất nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, đường Hoàng Thái Hiếu, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long). Trường hợp người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân được chọn lựa nộp hồ sơ tại Bộ phận Một cửa hoặc nộp hồ sơ tại Bộ phận	* Lệ phí cấp giấy đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất <sup>(71)</sup> - Tổ chức, cơ sở tôn giáo, cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân người nước ngoài, Người Việt Nam định cư tại nước ngoài: 50.000 đồng /Giấy chứng nhận. - Hộ gia đình, cá nhân có đất tọa lạc tại các phường thuộc thành phố Vĩnh Long, thị xã Bình Minh: + Chỉ có quyền sử dụng đất: 20.000 đồng /Giấy chứng nhận. + Có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 40.000 đồng /Giấy chứng nhận - Hộ gia đình, cá nhân có đất tọa lạc tại các xã, thị trấn thuộc các huyện, thị xã Bình Minh: + Chỉ có quyền sử dụng đất: 10.000 đồng /Giấy chứng nhận + Có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 20.000 đồng	- Luật đất đai ngày 29/11/2013. - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Đất đai. - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành của Luật Đất đai. - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính. - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất - Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND tỉnh Vĩnh Long ban	684/QĐ-UBND ngày 29/3/2019	842/QĐ-UBND ngày 03/4/2020

<sup>(71)</sup> Theo quy định tại Khoản 5, Điều 4 Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định đã công bố TTHC	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ
			<p>thời gian trung cầu giám định. - Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả giải quyết</p>	<p>Một cửa cấp xã nếu có nhu cầu<sup>(70)</sup></p>	<p>/Giấy chứng nhận - <i>Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất</i><sup>(72)</sup> + Đất ở * Diện tích dưới 500m<sup>2</sup>: 150.000đồng/hồ sơ * Diện tích từ 500m<sup>2</sup> đến dưới 1.000m<sup>2</sup>: 200.000 đồng/hồ sơ * Diện tích từ 1.000m<sup>2</sup> trở lên: 250.000 đồng/hồ sơ + Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, thương mại dịch vụ * Diện tích dưới 500m<sup>2</sup>: 200.000 đồng /hồ sơ * Diện tích từ 500m<sup>2</sup> đến dưới 1.000 m<sup>2</sup>: 350.000 đồng/hồ sơ * Diện tích từ 1.000m<sup>2</sup> trở lên: 550.000 đồng/hồ sơ + Các loại đất còn lại (không bao gồm đất ở; đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, thương mại dịch vụ) * Diện tích dưới 1.000m<sup>2</sup>: 120.000 đồng /hồ sơ</p>	<p><i>hành mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng đối với các khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long</i></p>		

<sup>(70)</sup> Quy định tại Khoản 2,3 Điều 60, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP

<sup>(72)</sup> Theo quy định tại Khoản 6, Điều 3 Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định đã công bố TTHC	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ
					<p>* Diện tích từ 1.000m<sup>2</sup> đến dưới 10.000 m<sup>2</sup>: 250.000 đồng/hồ sơ</p> <p>* Diện tích từ 10.000 m<sup>2</sup> trở lên: 400.000 đồng/hồ sơ</p>			
23	1.005194.000.00.00.H61	Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất	Thời gian thực hiện không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu	Sau 30 ngày kể từ ngày niêm yết thông báo mất Giấy chứng nhận tại trụ sở UBND cấp xã đối với trường hợp của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc kể từ ngày đăng tin lần đầu trên phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương đối với trường hợp của tổ chức trong	<p>* Lệ phí cấp giấy đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất<sup>74</sup></p> <p>- Tổ chức, cơ sở tôn giáo, cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân người nước ngoài, Người Việt Nam định cư tại nước ngoài: 50.000 đồng/Giấy chứng nhận</p> <p>- Hộ gia đình, cá nhân có đất tọa lạc các phường thuộc thành phố, thị xã; các thị trấn thuộc huyện:</p> <p>+ Chỉ có quyền sử dụng đất: 20.000 đồng/Giấy chứng nhận</p> <p>+ Có chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 40.000 đồng/Giấy chứng nhận</p> <p>- Hộ gia đình, cá nhân có đất tọa lạc các xã thuộc huyện, thị xã (áp</p>	<p>- Luật đất đai ngày 29/11/2013.</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Đất đai.</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành của Luật Đất đai.</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính.</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở</p>	684/QĐ-UBND ngày 29/3/2019	842/QĐ-UBND ngày 03/4/2020

<sup>74</sup> Theo quy định tại Khoản 5, Điều 4 Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định đã công bố TTHC	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ
			<p>giám định.            Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả giải quyết</p>	<p>nước, cơ sở tôn giáo, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người bị mất Giấy chứng nhận nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, đường Hoàng Thái Hiếu, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long). Trường hợp người bị</p>	<p>dụng cho trường hợp có hộ khẩu thường trú tại các phường thuộc thành phố, thị xã; các thị trấn thuộc huyện):            + Chỉ có quyền sử dụng đất: 10.000 đồng/Giấy chứng nhận            + Có chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 20.000 đồng/Giấy chứng nhận            - <i>Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất</i><sup>75</sup>            + <i>Đất ở</i>            * <i>Diện tích dưới 500m<sup>2</sup>: 150.000đồng/ hồ sơ</i>            * <i>Diện tích từ 500m<sup>2</sup> đến dưới 1.000m<sup>2</sup>: 200.000 đồng/hồ sơ</i>            * <i>Diện tích từ 1.000m<sup>2</sup> trở lên: 250.000 đồng/hồ sơ</i>            + <i>Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, thương mại dịch vụ</i>            * <i>Diện tích dưới 500m<sup>2</sup>: 200.000 đồng /hồ sơ</i>            * <i>Diện tích từ 500m<sup>2</sup> đến dưới 1.000 m<sup>2</sup>: 350.000 đồng/hồ sơ</i></p>	<p>hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.            - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số Điều của Nghị định 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.            - <i>Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND tỉnh Vĩnh Long ban hành mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng đối với các khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.</i></p>		

<sup>75</sup> Theo quy định tại Khoản 6, Điều 3 Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định đã công bố TTHC	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ
				mất Giấy chứng nhận là hộ gia đình, cá nhân được chọn lựa nộp hồ sơ tại Bộ phận Một cửa cấp huyện nếu có nhu cầu <sup>(73)</sup>	<p>* Diện tích từ 1.000m<sup>2</sup> trở lên: 550.000 đồng/hồ sơ</p> <p>+ Các loại đất còn lại (không bao gồm đất ở; đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, thương mại dịch vụ)</p> <p>* Diện tích dưới 1.000m<sup>2</sup>: 120.000 đồng /hồ sơ</p> <p>* Diện tích từ 1.000m<sup>2</sup> đến dưới 10.000 m<sup>2</sup>: 250.000 đồng/hồ sơ</p> <p>* Diện tích từ 10.000 m<sup>2</sup> trở lên: 400.000 đồng/hồ sơ</p>			
24	2.001761 .000.00.0 0.H61	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân	Thời gian thực hiện không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã,	Người sử dụng đất được chọn lựa nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, đường Hoàng Thái	<p>* Lệ phí cấp giấy đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất<sup>(77)</sup></p> <p>- Hộ gia đình, cá nhân có đất tọa lạc tại các phường thuộc thành phố Vĩnh Long, thị xã Bình Minh: + Chỉ có quyền sử dụng đất: 20.000 đồng /Giấy chứng nhận. + Có quyền sở hữu nhà ở và tài sản</p>	<p>- Luật đất đai ngày 29/11/2013.</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Đất đai.</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành của Luật Đất đai.</p>	684/QĐ-UBND ngày 29/3/2019	842/QĐ-UBND ngày 03/4/2020

<sup>(73)</sup> Quy định tại Khoản 2,3 Điều 60, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP

<sup>(77)</sup> Theo quy định tại Khoản 5, Điều 4 Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định đã công bố TTHC	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ
			<p>thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định.</p> <p>Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả giải quyết.</p>	<p>Hiếu, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc Bộ phận Một cửa cấp huyện hoặc nộp hồ sơ tại Bộ phận Một cửa cấp xã nếu có nhu cầu<sup>(76)</sup></p>	<p>khác gắn liền với đất: 40.000 đồng /Giấy chứng nhận</p> <p>- Hộ gia đình, cá nhân có đất tọa lạc tại các xã, thị trấn thuộc các huyện, thị xã Bình Minh:</p> <p>+ Chỉ có quyền sử dụng đất: 10.000 đồng /Giấy chứng nhận</p> <p>+ Có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 20.000 đồng /Giấy chứng nhận</p> <p>- <i>Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất</i><sup>78</sup></p> <p>+ <i>Đất ở</i></p> <p>* <i>Diện tích dưới 500m<sup>2</sup>: 150.000đồng/ hồ sơ</i></p> <p>* <i>Diện tích từ 500m<sup>2</sup> đến dưới 1.000m<sup>2</sup>: 200.000 đồng/hồ sơ</i></p> <p>* <i>Diện tích từ 1.000m<sup>2</sup> trở lên: 250.000 đồng/hồ sơ</i></p> <p>+ <i>Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, thương mại dịch vụ</i></p> <p>* <i>Diện tích dưới 500m<sup>2</sup>: 200.000 đồng /hồ sơ</i></p> <p>* <i>Diện tích từ 500m<sup>2</sup> đến dưới</i></p>	<p>- Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính.</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất</p> <p>- Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của liên bộ: Bộ Tài chính và Bộ Tài</p>		

<sup>(76)</sup> Quy định tại Khoản 2,3 Điều 60, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP

<sup>78</sup> Theo quy định tại Khoản 6, Điều 3 Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định đã công bố TTHC	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ
					<p>1.000 m<sup>2</sup>: 350.000 đồng/hồ sơ  * Diện tích từ 1.000m<sup>2</sup> trở lên: 550.000 đồng/hồ sơ  + Các loại đất còn lại (không bao gồm đất ở; đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, thương mại dịch vụ)  * Diện tích dưới 1.000m<sup>2</sup>: 120.000 đồng /hồ sơ  * Diện tích từ 1.000m<sup>2</sup> đến dưới 10.000 m<sup>2</sup>: 250.000 đồng/hồ sơ  * Diện tích từ 10.000 m<sup>2</sup> trở lên: 400.000 đồng/hồ sơ</p>	<p>nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ và trình tự, thủ tục tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất.  - Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND tỉnh Vĩnh Long ban hành mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng đối với các khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.</p>		
25	1.001980.000.00.00.H61	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	Thời gian thực hiện không quá 8 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời	Người sử dụng đất nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, đường Hoàng Thái Hiếu, phường	<p>* Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất<sup>(80)</sup>:  - Đối với trường hợp cấp mới lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất sau khi được gia hạn quyền sử dụng theo nhu cầu của chủ sử dụng đất:  + Tổ chức, cơ sở tôn giáo, cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân</p>	<p>- Luật đất đai ngày 29/11/2013.  - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Đất đai.  - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành của Luật Đất đai.</p>	684/QĐ-UBND ngày 29/3/2019	842/QĐ-UBND ngày 03/4/2020

<sup>(80)</sup> Theo quy định tại Khoản 5, Điều 4 Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long



TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định đã công bố TTHC	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ
			gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định.	1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long). Trường hợp người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận Một cửa cấp huyện nếu có nhu cầu <sup>(79)</sup>	<p>người nước ngoài, người Việt Nam định cư tại nước ngoài: 50.000 đồng/Giấy chứng nhận;</p> <p>+ Hộ gia đình, cá nhân có đất tọa lạc tại các phường thuộc thành phố Vĩnh Long, thị xã Bình Minh: 20.000 đồng/Giấy chứng nhận đối với Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất; 40.000 đồng/Giấy chứng nhận đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình;</p> <p>+ Hộ gia đình, cá nhân có đất tọa lạc tại các xã, thị trấn thuộc các huyện, thị xã Bình Minh: 10.000 đồng/Giấy chứng nhận đối với Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất; 20.000 đồng/Giấy chứng nhận đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình;</p> <p>- Đối với trường hợp chứng nhận biến động vào Giấy chứng nhận đã cấp;</p> <p>+ Tổ chức, cơ sở tôn giáo, cộng</p>	<p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính.</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.</p> <p>- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và Nghị định 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.</p> <p>- Thông tư 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017, quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định</p>		

<sup>(79)</sup> Theo quy định tại Khoản 2,3 Điều 60, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP.

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định đã công bố TTHC	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ
					<p>đồng dân cư, tổ chức, cá nhân người nước ngoài, Người Việt Nam định cư tại nước ngoài: 30.000 đồng/lần + Hộ gia đình, cá nhân có đất tọa lạc tại các phường thuộc thành phố Vĩnh Long, thị xã Bình Minh: 20.000 đồng/lần đối với Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất; 28.000 đồng/lần đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình; - Hộ gia đình, cá nhân có đất tọa lạc tại các xã, thị trấn thuộc các huyện, thị xã Bình Minh: 10.000 đồng/lần đối với Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất; 14.000 đồng/lần đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình. - <i>Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất<sup>(81)</sup></i> + Đất ở * <i>Diện tích dưới 500m<sup>2</sup>: 150.000đồng/ hồ sơ</i></p>	<p>quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai. - <i>Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.</i></p>		

<sup>(81)</sup> Theo quy định tại Khoản 6, Điều 3 Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định đã công bố TTHC	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ
					<p>* Diện tích từ 500m<sup>2</sup> đến dưới 1.000m<sup>2</sup>: 200.000 đồng/hồ sơ</p> <p>* Diện tích từ 1.000m<sup>2</sup> trở lên: 250.000 đồng/hồ sơ</p> <p>+ Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, thương mại dịch vụ</p> <p>* Diện tích dưới 500m<sup>2</sup>: 200.000 đồng /hồ sơ</p> <p>* Diện tích từ 500m<sup>2</sup> đến dưới 1.000 m<sup>2</sup>: 350.000 đồng/hồ sơ</p> <p>* Diện tích từ 1.000m<sup>2</sup> trở lên: 550.000 đồng/hồ sơ</p> <p>+ Các loại đất còn lại (không bao gồm đất ở; đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, thương mại dịch vụ)</p> <p>* Diện tích dưới 1.000m<sup>2</sup>: 120.000 đồng /hồ sơ</p> <p>* Diện tích từ 1.000m<sup>2</sup> đến dưới 10.000 m<sup>2</sup>: 250.000 đồng/hồ sơ</p> <p>* Diện tích từ 10.000 m<sup>2</sup> trở lên: 400.000 đồng/hồ sơ</p>			
26	1.001009.000.00.00.H61	Chuyển nhượng vốn đầu tư là giá	Thời hạn giải quyết không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp	Người sử dụng đất nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm	* Lệ phí cấp giấy đổi với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với	- Luật đất đai ngày 29/11/2013. - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính	684/QĐ-UBND ngày 29/3/2019	842/QĐ-UBND ngày 03/4/2020

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định đã công bố TTHC	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ
		trị quyền sử dụng đất	lệ. Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải trả cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trong thời	Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, đường Hoàng Thái Hiếu, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long)	đất <sup>82</sup> : - Tổ chức, cơ sở tôn giáo, cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân người nước ngoài, Người Việt Nam định cư tại nước ngoài: 50.000 đồng /Giấy chứng nhận. * Lệ phí cấp giấy đối với trường hợp xác nhận biến động vào Giấy chứng nhận đã cấp <sup>83</sup> - Tổ chức, cơ sở tôn giáo, cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân người nước ngoài, Người Việt Nam định cư tại nước ngoài: 30.000 đồng/lần - <i>Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất</i> <sup>84</sup> + Đất ở * <i>Diện tích dưới 500m<sup>2</sup>: 150.000đồng/ hồ sơ</i> * <i>Diện tích từ 500m<sup>2</sup> đến dưới 1.000m<sup>2</sup>: 200.000 đồng/hồ sơ</i> * <i>Diện tích từ 1.000m<sup>2</sup> trở lên: 250.000 đồng/hồ sơ</i>	phù quy định chi tiết một số điều Luật Đất đai. - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai. - Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính. - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường		

<sup>82</sup> Theo quy định tại Khoản 5, Điều 4 Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long

<sup>83</sup> Theo quy định tại Khoản 5, Điều 4 Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long

<sup>84</sup> Theo quy định tại Khoản 6, Điều 3 Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định đã công bố TTHC	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ
			hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả giải quyết		<p>+ Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, thương mại dịch vụ</p> <p>* Diện tích dưới 500m<sup>2</sup>: 200.000 đồng /hồ sơ</p> <p>* Diện tích từ 500m<sup>2</sup> đến dưới 1.000 m<sup>2</sup>: 350.000 đồng/hồ sơ</p> <p>* Diện tích từ 1.000m<sup>2</sup> trở lên: 550.000 đồng/hồ sơ</p> <p>+ Các loại đất còn lại (không bao gồm đất ở; đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, thương mại dịch vụ)</p> <p>* Diện tích dưới 1.000m<sup>2</sup>: 120.000 đồng /hồ sơ</p> <p>* Diện tích từ 1.000m<sup>2</sup> đến dưới 10.000 m<sup>2</sup>: 250.000 đồng/hồ sơ</p> <p>* Diện tích từ 10.000 m<sup>2</sup> trở lên: 400.000 đồng/hồ sơ</p>	<p>quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.</p> <p>- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và Nghị định 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ</p> <p>- Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của liên bộ: Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ và trình tự, thủ tục tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất.</p> <p>- Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND tỉnh Vĩnh Long ban hành mức thu, chế độ thu, nộp,</p>		

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định đã công bố TTHC	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ
						<i>quản lý và sử dụng đối với các khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.</i>		
27	1.004193 .000.00.0 0.H61	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	Thời gian thực hiện không quá 10 ngày <sup>(85)</sup> làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật,	Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, đường Hoàng Thái Hiếu, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long). Trường hợp người sử dụng đất là hộ	* <i>Lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận</i> <sup>(87)</sup> - <i>Tổ chức, cơ sở tôn giáo, cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân người nước ngoài, Người Việt Nam định cư tại nước ngoài: 50.000 đ/Giấy chứng nhận.</i> - <i>Hộ gia đình, cá nhân có đất tọa lạc tại các phường thuộc thành phố Vĩnh Long, thị xã Bình Minh:</i> + <i>Chỉ có quyền sử dụng đất: 20.000 đ/Giấy chứng nhận.</i> + <i>Có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 40.000 đ/Giấy chứng nhận</i>	- Luật đất đai ngày 29/11/2013. - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Đất đai. - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành của Luật Đất đai. - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính. - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận	684/QĐ-UBND ngày 29/3/2019	842/QĐ-UBND ngày 03/4/2020

<sup>(85)</sup> Quy định tại Điểm r, Khoản 2, Điều 61, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, được sửa đổi bổ sung tại Khoản 40, Điều 2, Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ

<sup>(87)</sup> Quy định tại khoản 5, Điều 6 Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Quyết định đã công bố TTHC	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ
			<p>thời gian trung cầu giám định.            Kết quả giải quyết TTHC phải trả cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả giải quyết</p>	<p>gia đình, cá nhân được chọn lựa nộp hồ sơ tại Bộ phận Một cửa cấp huyện hoặc nộp hồ sơ tại Bộ phận Một cửa cấp xã nếu có nhu cầu<sup>(86)</sup></p>	<p>- Hộ gia đình, cá nhân có đất tọa lạc tại các xã, thị trấn thuộc các huyện, thị xã Bình Minh:            + Chỉ có quyền sử dụng đất: 10.000 đ/Giấy chứng nhận            + Có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 20.000 đ/Giấy chứng nhận</p>	<p>quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất            - Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND tỉnh Vĩnh Long ban hành mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng đối với các khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.</p>		

<sup>(86)</sup> Quy định tại Khoản 2,3 Điều 60, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP

**Bảng 1**

## Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai

STT	Loại tài liệu	Đơn vị tính	Mức thu			
			Cung cấp trực tiếp		Cung cấp qua đường bưu điện, trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin	
			Đối với thông tin dạng giấy	Đối với thông tin dạng số	Đối với thông tin dạng giấy	Đối với thông tin dạng số
1	Hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất	đồng/hồ sơ	205.000	185.000	210.000	190.000
2	Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận, chuyển Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở, công trình và tài sản khác gắn liền với đất (không bao gồm bản sao Giấy chứng nhận)	đồng/hồ sơ	155.000	135.000	160.000	140.000
3	Hồ sơ đo đạc địa chính (Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất; Kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất, Bản trích đo địa chính thửa đất..)	đồng/hồ sơ	100.000	80.000	105.000	85.000
4	Hồ sơ đo vẽ nhà ở, công trình gắn liền với đất (sơ đồ đo vẽ nhà ở, công trình gắn liền với đất)	đồng/hồ sơ	85.000	65.000	90.000	70.000
5	Hồ sơ (Báo cáo, Biểu tổng hợp) về thống kê đất đai, kiểm kê đất đai	đồng/trang	15.000	12.000	17.000	14.000
6	Hồ sơ (Biểu mẫu, Báo cáo thuyết minh về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất)	đồng/trang	15.000	12.000	17.000	14.000
7	Hồ sơ đánh giá đất, điều tra mức độ suy thoái về đất, điều tra về giá đất	đồng/trang	15.000	12.000	17.000	14.000
8	Thông tin thửa đất (không bao gồm những thông tin cung cấp miễn phí trên mạng như: số tờ bản đồ, số thửa, xứ đồng, diện tích, mục đích sử dụng, đã đăng ký hay chưa, đã được cấp Giấy chứng nhận hay chưa)	đồng/thông tin của 01 thửa đất	12.000	9.000	14.000	11.000
9	Thông tin thửa đất kèm theo sơ đồ thửa đất thể hiện kích thước cạnh và số thửa giáp cận	đồng/thửa	32.000	29.000	34.000	31.000
10	Thông tin thửa đất kèm theo sơ đồ thửa đất sơ đồ vị trí thửa đất (có thể hiện kích thước cạnh, số thửa giáp cận, diện tích và giá đất tương ứng	đồng/thửa	42.000	39.000	44.000	41.000



STT	Loại tài liệu	Đơn vị tính	Mức thu			
			Cung cấp trực tiếp		Cung cấp qua đường bưu điện, trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin	
			Đối với thông tin dạng giấy	Đối với thông tin dạng số	Đối với thông tin dạng giấy	Đối với thông tin dạng số
	với các vị trí trong Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành)					
11	Thông tin thửa đất kèm theo sơ đồ thửa đất sơ đồ vị trí thửa đất (có thể hiện kích thước cạnh, số thửa giáp cận, diện tích và giá đất tương ứng với các vị trí trong Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, chỉ giới quy hoạch sử dụng đất và diện tích tương ứng với loại đất quy hoạch sử dụng đất...)	đồng/thửa	52.000	49.000	54.000	51.000

- Đối với các thông tin nằm ngoài danh mục trên, phí cung cấp thông tin được thỏa thuận theo Hợp đồng.